**BÀI 4: QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU**

**Số tiết 14**

**( Từ tiết 42 – tiết 55)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số tiết** |
| **1** | **Đọc** | **07** |
| **2** | **Thực hành TV** | **02** |
| **3** | **Phần viết** | **03** |
| **4** | **Nghe – nói** | **02** |

**Tiết 42 TRI THỨC NGỮ VĂN**

**Tiết 43, 44 CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC**

**A. PHẠM VI NGHIÊN CỨU CỦA BÀI HỌC VÀ THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN.**

**I. CÁC NỘI DUNG CẦN THỰC HIỆN:**

**1. Đọc:**

**\* Đọc hiểu các văn bản:**

- VB1: *Chùm ca dao về quê hương đất nước.*

- VB2: *Chuyện cổ nước mình* (Lâm Thị Mỹ Dạ).

- VB3: *Cây tre Việt Nam* (Thép Mới).

- VB thực hành đọc: *Hành trình của bầy ong* (Nguyễn Đức Mậu)

**\* Thực hành tiếng Việt.**

- Từ đồng âm và từ đa nghĩa, biện pháp tu từ hoán dụ

**2. Viết:**

Tập làm một bài thơ lục bát.

Viết một đoạn văn thể hiện cảm xúc về thơ lục bát.

**3. Nói và nghe.**

Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương.

**II. THỜI LƯỢNG THỰC HIỆN: 14 tiết – KHGD**

**B. MỤC TIÊU KHI XÂY DỰNG BÀI HỌC**

**1. Kiến thức**

**-** Nhận biết được một đặc điểm về số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát; bước đầu nhận xét được nét độc đáo của một bài thơ lục bát thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB.

- Nhận biết được từ đồng âm, từ đa nghĩa; nhận biết được hoán dụ và tác dụng của việc sử dụng hoán dụ.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

- Trân trọng, tự hào về các giá trị văn hóa truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

**2. Bảng mô tả năng lực và phẩm chất cần hình thành cho học sinh.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **MỤC TIÊU** | **MÃ HÓA** |
| **NĂNG LỰC ĐẶC THÙ : Đọc – nói – nghe –viết** | | |
| **1** | Nêu được ấn tượng chung về các bài ca dao, bài thơ lục bát: cảm xúc, chủ đề, thể thơ, cách gieo vần, ngắt nhịp … | **Đ1** |
| **2** | Nêu được ý nghĩa của bài thơ, hiểu được cảm xúc của tác giả qua các bài ca dao, bài thơ lục bát; thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. | **Đ2** |
| **3** | Nhận xét được những chi tiết, hình ảnh tiêu biểu trong việc thể hiện nội dung văn bản. | **Đ3** |
| **4** | Nhận xét được giá trị của các bài ca dao, bài thơ. Bước đầu biết so sánh nội dung của các bài để tìm ra điểm tương đồng và nét riêng từng bài thơ lục bát, và giá trị của bài *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới. | **Đ4** |
| **5** | Chỉ ra được tác dụng của một số yếu tố nghệ thuật như hình ảnh, biểu tượng, phép tu từ,... | **Đ5** |
| **6** | Biết cảm nhận, trình bày suy nghĩ, tình cảm của mình về một vấn đề trong đời sống. | **N1** |
| **7** | Có khả năng tạo lập một làm một bài thơ lục bát. | **V1** |
| **8** | Có khả năng tạo lập một văn bản biểu cảm viết được một đoạn văn thể hiện cảm xúc về thơ lục bát. | **V2** |
| **NĂNG LỰC CHUNG:GIAO TIẾP VÀ HỢP TÁC, GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ** | | |
| **9** | - Biết được các công việc cần thực hiện để hoàn thành nhiệm vụ nhóm được GV phân công.  - Hợp tác khi trao đổi, thảo luận về vấn đề giáo viên đưa ra. | **GT-HT** |
| **10** | Biết thu thập và làm rõ các thông tin có liên quan đến vấn đề; biết đề xuất và chỉ ra được một số giải pháp giải quyết vấn đề (ở cấp độ phù hợp với nhận thức và năng lực cá nhân). | **GQVĐ** |
| **PHẨM CHẤT CHỦ YẾU: TRÁCH NHIỆM, TRUNG THỰC, NHÂN ÁI** | | |
| **11** | - Có thái độ yêu mến, trân trọng nền văn học Việt Nam, trong đó có thơ lục bát.  - Yêu quê hương, đất nước  - Luôn có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị lớn lao của văn học dân tộc.  **-Kết hợp GDQP:** GD cho HS thấy được cách đánh mưu trí của quân dân ta trong cuộc khán chiến chống giặc ngoại xâm**.**Từ đó khơi dậy cho HS tình yêu quê hương đất nước,tinh thần tự hào,tự tôn dân tộc. | **TN**  **TT**  **NA** |

**Giải thích các kí tự viết tắt cột MÃ HÓA:**

**- Đ:** Đọc (1,2,3,4,5: Mức độ).

**- N:** Nghe – nói (1,2: mức độ)

**- V:** Viết (1,2: mức độ)

**- GT-HT:** Giao tiếp – hợp tác.

**- GQVĐ:** Giải quyết vấn đề.

**- TN:** trách nhiệm.

**- TT:** Trung thực.

**- NA:** Nhân ái

**C. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Phương tiện**:** SGK, SGV, tài liệu tham khảo

- Định hướng HS phân tích, cắt nghĩa và khái quát bằng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, câu hỏi nêu vấn đề.

-  Tổ chức HS tự bộc lộ, tự nhận thức bằng các hoạt động liên hệ.

**- Phiếu học tập:**

**2. Học sinh.**

- Đọc văn bản theo hướng dẫn **Chuẩn bị đọc** trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK

**3. Bảng tham chiếu các mức độ cần đạt**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **I.ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN**  1.*Chùm ca dao về quê hương đất nước.*  2. *Chuyện cổ nước mình*  *3.Cây tre Việt Nam*  **II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**  **III. VIẾT**  **IV. NÓI VÀ NGHE** | - Nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể thơ lục bát thể hiện qua các bài ca dao: số dòng, số tiếng, vần, nhịp của mỗi bài.  - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của nhà văn Thép Mới qua ngôn ngữ VB;  - Nhận biết được vẻ đẹp cũng như những phẩm chất cao quý của cây tre cũng như của dân tộc, đất nước Việt Nam.  HS nhận biết được cách đánh mưu trí của quân dân ta trong cuộc khán chiến chống giặc ngoại xâm  - Nhận biết được hiện tượng từ đồng âm, từ đa nghĩa, phép tu từ hoán dụ trong ngữ cảnh quen thuộc.  - Nắm được đặc điểm thơ lục bát.  - Nắm được yêu cầu đối với đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.  - Nắm được yêu cầu cơ bản của việc nói, nghe trình bày suy nghĩ về một vấn đề tư tưởng. | - Nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua hình ảnh, từ ngữ và biện pháp tu từ  - Nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của ngôn ngữ VB, lời văn giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu ; cách sử dụng các biện pháp tu từ điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ...  - Hiểu và phân biệt được rõ từ đồng âm, từ đa nghĩa phép tu từ hoán dụ ; cách dùng từ đồng âm, từ đa nghĩa, phép tu từ hoán dụ.  - Chỉ ra đặc điểm của thơ lục bát trong các ví dụ.  - Tiến hành các bước làm bài viết một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.  - Biết trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương. | - Nêu được nội dung, ý nghĩa của các bài thơ.  - Vận dụng hiểu biết về nội dung của các bài ca dao, bài thơ để phân tích, cảm nhận nội dung, nghệ thuật của các bài ca dao, bài thơ lục bát.  - Nêu được nội dung, ý nghĩa của VB.  - Vận dụng hiểu biết về nội dung của VB để quan sát, liên hệ thực tế đời sống  - Sử dụng từ loại phù hợp hiệu quả như từ đồng âm, từ đa nghĩa, phép tu từ hoán dụ .  -Làm thơ lục bát: số tiếng, số câu, thanh điệu, vần.  - Viết được một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.  - Sử dụng ngôn ngữ phù hợp cho bài nói, tạo được sức hấp dẫn. | - Cảm nhận hiệu quả nghệ thuật của các hình ảnh, các biện pháp tu từ….trong 3 bài thơ lục bát, bài thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ  - Trình bày cảm nhận của bản thân về giá trị của các bài ca dao, bài thơ viết về vẻ đẹp quê hương, đất nước, con người Việt Nam, về niềm tự hào đối với những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc.  - Vận dụng kiến thức đã học để hình thành lối sống nhân ái, biết ơn, tự hào về vẻ đẹp của văn hóa dân tộc, đất nước quê hương.  -HS tự hình thành tình yêu quê hương đất nước,tinh thần tự hào, tự tôn dân tộc.  - Có sáng tạo trong cách sử dụng từ, các biện pháp tu từ trong nói và viết.  - Làm thơ lục bát: số tiếng, số câu, thanh điệu, vần.  - Yêu thích và có ý thức tìm hiểu thơ ca.  - Có sáng tạo trong cách sử dụng từ, các biện pháp tu từ trong nói và viết.  - Bài nói có sáng tạo, dùng cả hình thức phi ngôn ngữ, tạo ấn tượng riêng. |

**D. CÁC CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ TRONG BÀI HỌC.**

**1. Câu hỏi:** Hiểu biết về thơ lục bát: số tiếng, nhịp, vần, hình ảnh...

**2. Bài tập :** Sơ đồ tư duy về bài học,. (kết hợp trong hoặc sau tiết học).

**3. Rubric**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Tiêu chí** | **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| Thiết kế sơ đồ tư duy về VB *Chuyện cổ nước mình, Cây tre Việt Nam*  **(5 điểm)** | Sơ đồ tư duy chưa đầy đủ nội dung  (1-2 điểm) | Sơ đồ tư duy đủ nội dung nhưng chưa hấp dẫn.  (3-4 điểm) | Sơ đồ tư duy đầy đủ nội dung và đẹp, khoa học, hấp dẫn.  (5 điểm) |
| Vẽ tranh liên quan đến hình ảnh trong ca dao và VB *Chuyện cổ nước mình, Cây tre Việt Nam***(5 điểm)** | Các nét vẽ không đẹp và bức tranh còn đơn điệu về hình ảnh, màu sắc.  (1-2 điểm) | Các nét vẽ đẹp nhưng bức tranh chưa thật phong phú.  (3-4 điểm) | Bức tranh với nhiều đường nét đẹp, phong phú, hấp dẫn.  (5 điểm) |

**E. TIẾN TRÌNH DẠY - HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(Thời gian)** | **Mục tiêu** | **Nội dung dạy học trọng tâm** | **PP/KTDH chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **HĐ 1: Khởi động** | **Kết nối – tạo tâm thế tích cực.** | Huy động, kích hoạt kiến thức trải nghiệm nền của HS có liên quan đến chủ đề, nội dung truyện (thơ) được học | - Nêu và giải quyết vấn đề  - Đàm thoại, gợi mở | -Đánh giá qua câu trả lời của cá nhân cảm nhận chung của bản thân;  - Do GV đánh giá. |
| **HĐ 2: Khám phá kiến thức** | **Đ1,Đ2,Đ3,Đ4,Đ5,N1,GT-HT,GQVĐ** | **I.Tìm hiểu chung về thơ lục bát**  **II. Đọc hiểu văn bản.**  *1. Chùm ca dao về quê hương đất nước.*  2. *Chuyện cổ nước mình*.  *3.Cây tre Việt Nam*  **III.Thực hành Tiếng Việt.**  **IV.Viết**  **-**Tập làm một bài thơ lục bát.  - Viết một đoạn văn thể hiện cảm xúc về thơ lục bát.  **V. Nghe- nói:** | Đàm thoại gợi mở; Dạy học hợp tác (Thảo luận nhóm, thảo luận cặp đôi); Thuyết trình; Trực quan; | Đánh giá qua sản phẩm qua hỏi đáp; qua phiếu học tập, qua trình bày do GV và HS đánh giá  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 3: Luyện tập** | **Đ3,Đ4,Đ5,GQVĐ** | Thực hành bài tập luyện kiến thức, kĩ năng | Vấn đáp, dạy học  nêu vấn đề, thực hành.  Kỹ thuật: động não | Đánh giá qua hỏi đáp; qua trình bày do GV và HS đánh giá  -Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá |
| **HĐ 4: Vận dụng** | **N1, V1, V2, GQVĐ** | Liên hệ thực tế đời sống để hiểu, làm rõ thêm thông điệp của văn bản. | Đàm thoại gợi mở; Thuyết trình; Trực quan. | Đánh giá qua sản phẩm của HS, qua trình bày do GV và HS đánh giá.  - Đánh giá qua quan sát thái độ của HS khi thảo luận do GV đánh giá. |
| **HĐ mở rộng** | **Mở rộng**  **hiểu biết về chủ đề** | Tìm tòi, mở rộng để có vốn hiểu biết sâu hơn. | Dạy học hợp tác, thuyết trình; | - Đánh giá qua sản phẩm theo yêu cầu đã giao.  - GV và HS đánh giá |

**G. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 42: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN (15‘)**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ÐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo tình huống/ vấn đề học tập nhằm huy động kiến thức, kinh nghiệm hiện có của học sinh và nhu cầu tìm hiểu kiến thức mới liên quan đến tình huống/vấn đề học tập.

**b. Nội dung hoạt động:**

- Quan sát các bức tranh, ảnh về quê hương và nêu cảm nhận.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

Quan sát các bức tranh, ảnh và trả lời: 4 bức tranh, ảnh này giống nhau ở điểm gì? Nêu cảm nhận của bản thân.







***Quê hương có một vị trí quan trọng trong lòng mỗi người. Mỗi người dân Việt Nam đều có tình cảm thiêng liêng gắn bó với quê hương xứ sở của mình. Tình cảm yêu quê hương đất nước là một truyền thống tốt đẹp và đáng quý của dân tộc Việt Nam. Đến với bài học hôm nay, chúng ta cùng thả hồn theo những vần thơ lục bát viết về quê hương để cùng lắng nghe và suy ngẫm.***

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC.**

**Tìm hiểu chung về thơ lục bát**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ (**HS nắm được những nét cơ bản về thơ lục bát).

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu thơ lục bát: vần điệu, nhịp điệu, thanh điệu…

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về thơ lục bát.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***Bước 1. GV giao nhiệm vụ***:  HS tự đọc phần giới thiệu bài học.  - Trình bày cách hiểu của em về phần bài học số 4: Phần giới thiệu bài học có mấy nội dung? Đó là nội dung nào?  ***Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ***  HS thảo luận theo bàn. Trình bày trong nhóm bàn, rồi đứng lên trình bày trước lớp  ***Bước 3. Đánh giá kết quả.***  ***Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  **GV:** chủ đề quê hương đất nước có thể được thể hiện trong nhều thể loại văn học khác nhau, từ truyện ngắn, tiểu thuyết đến kịch và đặc biệt được thể hiện qua những câu lục bát thiết tha sinh động, qua những vần thơ trữ tình hiện đại viết theo thể lục bát.  ***Bước 1. GV giao nhiệm vụ***  - yêu cầu HS đọc phần **Tri thức đọc hiểu** trong SGK trang 89.  Dựa vào phần chuẩn bị ở nhà, GV yêu cầu HS tự chọn một vài bài thơ lục bát đã học hoặc đã đọc để chia sẻ kinh nghiệm.  - Khi đọc một bài thơ lục bát, em quan tâm đến điều gì nhất? ( gợi ý về số tiếng, số dòng, cách gieo vần, thanh điệu, ngắt nhịp,...)  - Em biết gì về dạng thơ lục bát biến thể, hãy chia sẻ?  ***Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ***  HS đọc thơ, trao đổi để nhận biết những yếu tố cơ bản của bài thơ lục bát.  ***Bước 3. Đánh giá kết quả.***  ***Bước 4. Chuẩn kiến thức.***  Gv có thể đọc cho HS một vài bài thơ lục bát mà ở đó có sự phá vỡ niêm luật của thể lục bát thông thường. | **I. Giới thiệu bài học** - Chủ đề bài học hướng tới: Quê hương  + Quê hương là những gì gần gũi thân thuộc, thiêng liêng nhất của mỗi chúng ta.  + Tình yêu quê hương là một trong những tình cảm ấm áp và sâu bền nhất, luôn hiện diện trong sâu thắm trái tim ta và là hành trang giúp ta khôn lớn, trưởng thành.  - Thể thơ lục bát: qua những câu ca dao dân ca, thơ trữ tình hiện đại.  **II. Tìm hiểu chung về thơ lục bát**  **1. Số tiếng:** Thơ lục bát (6-8) là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng 8 tiếng.  + Câu lục: 6 tiếng  + Câu bát: 8 tiếng  - Cách gieo vần:  + Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng sáu của dòng tám.  + Tiếng cuối của dòng tám vần với tiếng sáu của dòng sáu.  **2. Thanh điệu**: Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng còn tiếng thứ tư là thanh trắc. Riêng dòng tám, mặc dù các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là thanh ngang và ngược lại.  **3. Ngắt nhịp**: Nhịp chẵn.  VD:  *Trăm năm /trong cõi /người* ***ta****.*  ***B T B***  *Chữ tài chữ mệnh/ khéo* ***là*** *ghét* ***nhau****.*  ***B T B B***  *Trải qua/ một cuộc bể* ***dâu****.*  ***B T B***  *Những điều trông thấy/ mà đau đớn*  ***B T B***  *lòng*.  **B**  (*Truyện Kiều* – Nguyễn Du)  **\* Thơ lục bát biến thể:**  **(sgk)**  **Ví dụ:**  *Đứng bên tê đồng ngó bên ni đồng mênh mông bát ngát.*  *Đứng bên ni đồng ngó bên tê đồng bát ngát mênh mông.*  - Số tiếng, thanh điệu, nhịp điệu có sự biến đổi. |

**Tiết 42 ( T). 43, 44**

**Văn bản 1:**

***Chùm ca dao về quê hương đất nước***

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động**

- GV Sau đó logic vấn đề với bài học mới.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

GV đặt một số câu hỏi, HS suy nghĩ, trả lời

1. Với em, nơi đâu là quê hương yêu dấu? Nếu có thể, em hãy nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương, em sẽ nói điều gì?

2. Em thích bài thơ nào viết về quê hương? Hãy đọc diễn cảm một vài câu thơ trong bài thơ đó?

Dự kiến:

1.GV tạo không khí thoải mái, để HS bày tỏ, chia sẻ nói những ấn tượng đẹp đẽ và sâu sắc nhất về quê hương của mình như: phong cảnh thiên nhiên quê hương (nhắc đến vẻ đẹp cụ thể của quê hương mình qua tên núi, sông, chợ, món ăn, con người...gắn với quê hương của mỗi em).

2.HS có thể đọc một vài câu thơ yêu thích về bài thơ viết về quê hương.

GV dẫn dắt vào bài: **Quê hương hai tiếng thiêng liêng, cất lên trong sâu thẳm trái tim mỗi con người. Tình yêu quê hương là một mạch nguồn vô tận, chảy lặng lẽ trong suối nguồi tâm hồn chúng ta. Viết về quê hương, ca dao dùng những khúc hát chan chứa tình yêu, sâu lắng cảm xúc để ngợi ca vẻ đẹp của đất nước, con người. Hôm nay, cô và các con sẽ khám phám chùm ca dao về tình yêu quê hương đất nước các con nhé!**

**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN**

**KĨ NĂNG: ĐỌC**

**Nội dung 1: Đọc- Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**: **Đ1, GQVĐ.**

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của thể lục bát thể hiện qua các bài ca dao: số dòng, số tiếng, vần, nhịp của mỗi bài.

- HS nhận biết được đôi nét về ca dao.

**b. Nội dung hoạt động:**

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**I. Đọc- tìm hiểu chung**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| *NV 1: Tác giả*  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  *- GV*hướng dẫn HS cách đọc: cân đọc to, rõ ràng, chú ý giọng đọc phù hợp với nội dung của từng bài.  GV đọc mẫu, sau đó gọi một số HS đọc.  Yêu cầu HS theo dõi phần chú thích cuối trang, giải nghĩa một số từ khó  Bài ca dao 1,2,3 nhắc đến những địa danh nào? Ở mỗi bài, địa danh được nhắc đến là ở đâu, em hãy giải nghĩa cụ thể địa danh đó?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS lắng nghe, theo phần đọc của cô và bạn.  HS thực hiện việc đọc VB (nếu được yêu cầu)  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  GV gọi HS nhận xét phần đọc của bạn.  -GV nhận xét chú ý kĩ năng đọc.  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **-Hình thức cặp đôi chia sẻ.**  **-Nhiệm vụ:**  Đọc các bài ca dao 1,2 và cho biết và cho biết: Mỗi bài ca dao có mấy dòng? Cách phân bố các tiếng trong mỗi dòng cho thấy đặc điểm gì của thơ lục bát?  Đối chiếu với những điều được nêu trong mục Tri thức ngữ văn ở đầu bài học, hãy xác định cách gieo vần, ngắt nhịp và phối hợp thanh điệu trong các bài ca dao 1 và 2?  So hai bài ca dao đầu, bài ca dao số 3 là lục bát biến thể. Hãy chỉ ra tính chất biến thể của thơ lục bát trong bài ca dao này trên các phương diện: số tiếng trong mỗi dòng, cách gieo vần, phối hợp thanh điệu.  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS trình bày xuất xứ VB, đặc điểm về thể thơ lục bát. So sánh lục bát thường với lục bát biến thể.  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** | **1. Đọc văn bản**  **a. Đọc**  **b. Giải nghĩa từ**  **-**Bài 1: Địa danh ở kinh thành Thăng Long (Hà Nội): Thọ Xương, Yên Thái, chùa Trấn Võ  - Bài 2: Địa danh ở Lạng Sơn: xứ Lạng, sông Tam Cờ  - Bài 3: Địa danh ở Huế: chợ Đông Ba, Đập Đá, làng Vĩ Dạ, ngã ba Sình  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Xuất xứ: Ca dao**  + Là thơ trữ tình dân gian.  + Nội dung biểu hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người bình dân.  + Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, gắn liền với lời ăn tiếng nói của nhân dân lao động  **b. Thể loại:**  **\* Bài 1,2: lục bát**  - Bài ca dao 1:  + Cách gieo vần: tiếng "canh gà" vần với tiếng "la đà"; tiếng "ngàn sương" vần với tiếng "mặt gương".  + Thanh điệu: tiếng "đà", "Xương", "sương", "Hồ" là thanh bằng; tiếng "trúc", "Võ", "tỏa", "Thái" là thanh trắc.  + Nhịp thơ: 2/2/2  - Bài ca dao 2:  + Cách gieo vần: tiếng "bao xa" vần với tiếng "ba quãng đồng"; tiếng "mà trông" vần với "kìa sông".  + Nhịp thơ: 4/4.  + Thanh điệu: tiếng "xa", "đồng","trông", Cờ" là thanh bằng; tiếng "Lạng", "núi", "lại" là thanh trắc.  **\* Bài ca dao 3: Lục bát biến thể**  + Số tiếng trong mỗi dòng: Bài thơ có tất cả 4 dòng. Số tiếng trong mỗi dòng lần lượt là: 8/8/6/8.  + Cách gieo vần: tiếng "Ba" vần với tiếng "Đá"; tiếng "Dạ" vần với tiếng "ba".  + Cách phối hợp thanh điệu: Tiếng thứ sáu và tiếng thứ tám: "qua", "Sình", "chênh". "tình" là thanh bằng; tiếng "Dạ", "ngả", "vọng" là thanh trắc, tuy nhiên tiếng "Ba" lại là thanh ngang.  **c. Chủ đề:** - Tình yêu quê hương đất nước |

**HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu**: **Đ2, Đ3, Đ4, GQVĐ, GT-HT**

- HS nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của từng bài ca dao nói riêng và chùm ca dao nói chung thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- HS cảm nhận được tình yêu quê hương đất nước, lòng yêu mến tự hào về vẻ đẹp của các vùng miền khác nhau mà tác giả dân gian thể hiện qua ngôn ngữ VB.

**b. Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân, phiếu học tập đã hoàn thiện của các nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bài ca dao 1**  ***\* Bước 1: Giao nhiệm vụ cho HS***  ***- GV hướng dẫn cách đọc***: Đọc rõ ràng, rành mạch, biểu cảm...  ***- HS đọc.***  ***- Nhận xét cách đọc của HS.***  ***- GV giao nhiệm vụ:Yêu cầu HS thảo luận nhóm để khám phá nét đặc sắc của bài ca dao 1***  ***GV cho HS quan sát một số bức tranh cảnh Hồ Tây* (GV mở cho HS quan sát trực tiếp).**  **Sau đó giao nhiệm vụ:**  + Vẻ đẹp của kinh thành Thăng Longđược gợi lên trong bài ca dao này qua những hình ảnh nào? Chỉ ra nét đặc sắc trong cách sử dụng từ ngữ?  + Em hãy viết ra những vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống của con người mà em tưởng tượng được về kinh thành Thăng Long?  ( Gợi ý: + Cụm từ “cành trúc la đà” gợi lên điều gì?  + Bức tranh không chỉ đẹp ở hình ảnh cụ thể mà còn gợi tả bằng những âm thanh gì? Em hình dung tưởng tượng ra vẻ đẹp nào ở Thăng Long?  +Cụm từ “mặt gương Tây Hồ”, tác giả đã sử dụng phép tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của phép tu từ đó?)  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.***  HS thảo luận, đưa ra nhận xét, cảm nhận về bài ca dao.  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  HS trình bày trước nhóm. HS khác nghe, nhận xét.  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  GV có thể mở rộng cho HS đọc một số câu ca dao viết về Thăng Long Hà Nội mà các em sưu tầm trước tiết học.**Bài ca dao 2**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu 1 HS đọc bài ca dao số 2.  Dựa vào các từ ngữ chỉ địa danh, em hãy cho biết bài ca dao này nhắc về mảnh đất nào?  Dựa vào lời thơ, em có thể chia bài ca dao thành mấy ý? Nêu nội dung của từng ý?  - Hai chữ *“ai ơi”trong bài ca dao để làm gì? Điều đó cho thấy bài ca dao hướng đến ai, để nhắc nhở điều gì?*  - Tác giả chỉ dẫn con đường đến với xứ Lạng thế nào? Đó là con đường gần hay xa?  Vẻ đẹp được tác giả khắc họa về nơi đây là ở vẻ đẹp gì?  Nêu cảm nhận của em về tình cảm tác giả dân gian gửi gắm trong lời nhắn gửi: *Ai ơi đứng lại mà trông*. Hãy tìm một số câu ca dao, tục ngữ có sử dụng từ ai hoặc có lời nhắn ai ơi.  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc . Suy nghĩ, trao đổi với các bạn trong bàn.  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  GV yêu cầu HS trả lời, khám phá vẻ đẹp của bài ca dao thể hiện qua ngôn ngữ, hình ảnh cụ thể.  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  GV mở rộng liên hệ đến những bài ca dao có cách diễn đạt tương tự:  - Ai ơi đứng lại mà trông  Kìa vạc nấu dó, kìa sông đãi bìa  Kìa giấy Yên Thái như kia  Giếng sâu chín trượng nước thì trong xanh.  - Ai ơi bưng bát cơm đầy/ Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần.  - Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang/ Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu.  - Ai ơi giữ chí cho bền/ Dù ai xoay hướng đổi nền mặc ai.  **Bài ca dao 3**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  GV yêu cầu 1 HS đọc bài ca dao số 2.  GV chiếu 1 số hình ảnh về cảnh sắc Huế (đặc biệt là sông Hương) cho HS giới thiệu hiểu biết về mảnh đất Huế.  Thảo luận nhóm (phiếu học tập số 1).  Bài ca dao 3 đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh để miêu tả thiên nhiên xứ Huế? Những từ ngữ, hình ảnh đó giúp em hình dung như thế nào về cảnh sông nước nơi đây.  Em hãy nhận xét về cách sử thể lục bát trong bài ca dao thứ 3? Tác dụng của cách dùng lục bát biến thể như thế nào? Cảm xúc, tình cảm của tác giả gửi gắm trong bài ca là gì?  ***\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ***  HS tiếp nhận nhiệm vụ, làm việc . Suy nghĩ, trao đổi với các bạn trong bàn.  ***\* Bước 3: Đánh giá sản phẩm.***  GV yêu cầu HS trả lời, khám phá vẻ đẹp của bài ca dao thể hiện qua ngôn ngữ, hình ảnh cụ thể.  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  Chợ Đông Ba, nằm cạnh dòng sông Hương;  + Đập Đá con đập nổi tiếng chảy ngang qua một nhánh của sông Hương;  + Vĩ Dạ là một ngôi làng bên bờ sông Hương, phong cảnh thơ mộng, hữu tình;  + Ngã Ba Sình nơi giao giữa sông Hương với sông Bồ. | **II. Đọc, hiểu văn bản**  **1. Bài ca dao 1**  **\* Bức tranh thiên nhiên thơ mộng, yên bình**  + Hình ảnh: *“gió đưa cành trúc”“mịt mù khói tỏa ngàn sương”*  + Âm thanh *“Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”,*  *+ “Mặt gương Tây Hồ”*  *Nghệ thuật: chọn lựa hình ảnh, âm thanh*  *Từ láy “la đà”, “mịt mù”; hình ảnh ẩn dụ “mặt gương Tây Hồ”.***Tác giả vẽ ra một bức tranh tuyệt đẹp về cảnh mùa thu vào buổi sáng sớm nơi kinh thành Thăng Long. Không gian buổi sáng sớm tinh mơ, cả kinh thành ẩn hiện trong màn sương mơ màng**.  + Nổi bật là cành trúc nhẹ nhàng, đung đưa, lay động theo làn gió nhẹ.  + Âm thanh: Xa xa văng vẳng tiếng chuông Trấn Vũ, tiếng gà tàn canh Thọ Xương vọng tới . Tiếng chuông ngân vang hoà cùng tiếng gà gáy. Âm thanh như tan ra hoà cùng đất trời sương khói mùa thu.  **\* Cuộc sống lao động của nhân dân bắt đầu***“nhịp chày Yên Thái”*ngân vang dồn dập, khẩn trương. Nhịp chày chính là nhịp đập của cuộc sống, sức sống mạnh mẽ của kinh đô.  + Vẻ đẹp nên thơ, huyền ảo của Hồ Tây qua hình ảnh ẩn dụ đặc sắc *“mặt gương Tây Hồ”*  **Nhận xét:** Bài thơ tả cảnh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình  **\* Cảm xúc của tác giả:** Thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước:  **2. Bài ca dao 2:**  **\* Hai câu đầu:**  **Giới thiệu con đường lên xứ Lạng:** “bao xa*” “một trái núi”, “ba quãng đồng”*cách dùng câu hỏi, và những cách tính độ dài đường đi cụ thể, vừa mộc mạc, dân dã đo đường *bằng cánh đồng, trái núi*. Qua đó, tác giả muốn thiết tha mời gọi mọi người đến với xứ Lạng, đó là con đường gần gũi, thơ mộng, không có gì cách trở.  **\* Hai câu sau: Lời mời gọi đến với xứ Lạng:**  - Lời mời gọi thiết tha:  **+** Hai chữ*“ai ơi”*là tiếng gọi, lời mời, hướng tới ai đó, nó không cụ thể, là tất cả những con người Việt Nam ta.  + Cụm từ*“đứng lại mà trông”*lời đề nghị tha thiết, ông cha ta muốn nhắc nhở về sự ghi nhớ cội nguồn, là tình yêu bao la đối với quê hương đất nước.  **- Vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng:**  +Vẻ đẹp của cảnh sắc núi sông: *“Núi thành Lạng”, “sông Tam Cờ”.* Đây là tên ngọn núi, tên sông rất nổi tiếng của Lạng Sơn.  + *“Kìa”* hai lần lặp lại trong một câu thơ, tạo ta phép điệp từ, mở ra liên tiếp khung cảnh kì vĩ của thiên nhiên xứ Lạng, đồng thời diễn tả niềm tự hào, ngỡ ngàng trước bức tranh thiên nhiên khoáng đạt, mênh mông của mảnh đất Lạng Sơn.  **Nhận xét:**Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, mêng mông của xứ Lạng.  **\* Cảm xúc của tác giả:**Bài ca thể hiện niềm tự hào, yêu mến thiết tha của tác giả dân gian về vẻ đẹp của xứ Lạng  **3. Bài ca dao 3: Bức tranh tuyệt đẹp về Huế:**  **\*** Hình ảnh để miêu tả thiên nhiên xứ Huế: - Các địa danh nổi tiếng bên dòng sông Hương được liệt kê: chợ Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ, Ngã Ba Sình gợi đến những chuyến đò xuôi ngược.  - Hình ảnh:  + Những chuyến đò nối liền các địa danh nổi tiếng mở ra một miền sông nước mênh mông, thơ mộng, trữ tình của Huế.  + Hình ảnh ánh trăng *“Lờ đờ”* từ láy đặt đầu câu thơ *“Lờ đờ bóng ngả trăng chênh”,* khắc họa bức tranh sông Hương trong không gian chìm ánh trăng thơ mộng, huyền ảo. Thiên nhiên hòa nhịp với cuộc sống của người dân lao động,  + Âm thanh tiếng hò trên sông: *“Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non”*. Đó là những làn điệu dân ca Huế tha thiết, ngọt ngào, vang vọng, lan tỏa trên mênh mang sông nước; tiếng hò chan chứa tình yêu đất nước.  **Nhận xét:** Với hình thức lục bát biến thể, bài ca dao đã ca ngợi vẻ đẹp của xứ Huế thơ mộng, trầm mặc, với sông nước mênh mang, với điệu hò thiết tha lay động lòng người.  **\* Cảm xúc của tác giả:**Tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với xứ Huế |

**Nội dung 2: Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NA**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của chùm ca dao về tình yêu quê hương đất nước.

**b.Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** GV nêu câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ trả lời:  + Nêu những đặc sắc nghệ thuật của những bài ca dao mà em được học trong VB?  + Nội dung, ý nghĩa chung của những bài ca dao ấy?  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS đứng lên báo cáo trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho bạn bạn.  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - Nhận xét kết quả hoạt động của HS và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động của HS.  - Chốt lại kiến thức. Chuyển dẫn phần viết ngắn | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Thể thơ lục bát, lục bát biến thể với cách gieo vần hài hòa, tạo âm hưởng thiết tha .  - Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, giàu sức gợi  - Sử dụng nhiều phép tu từ , nhân hóa, điệp ngữ đặc sắc.  **2. Nội dung**  - Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống lao động bình dị trên mọi miền của đất nước.  - Tác giả gửi gắm lòng tự hào, tình yêu tha thiết của mình với quê hương đất nước, con người.  - Gợi nhắc mọi người hãy trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, con người. |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP**

**a.Mục tiêu:Đ4, N1** (Thực hiện được các bài tập nhằm hoàn thiện kiến thức vừa lĩnh hội).

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi, hoàn thiện phiếu học tập.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập đẫ hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

Dự kiến sản phẩm:

**\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Hãy hoàn thiện phiếu học tập sau:**

**(Phiếu học tập số 2)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Giải thích** |
| **1** |  |  |
| **2** |  |  |
| **3** |  |  |

**\*Dự kiến sản phẩm:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài ca dao** | **Từ ngữ, hình ảnh độc đáo** | **Tác dụng** |
| **1** | + Hình ảnh *“cành trúc la đà”, “khói tỏa ngàn sương”*  + Âm thanh *“Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương”,*  *+ Ẩn dụ:“Mặt gương Tây Hồ”* | Bức tranh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình. Tình yêu, niềm tự hào của tác giả về vẻ đẹp của Thăng Long. |
| **2** | + cách dùng câu hỏi, và những  cách tính độ dài đường đi cụ  thể, vừa mộc mạc *“ bao xa”,*  *“một trái núi, ba quãng đồng”*  +*“ai ơi”*là tiếng gọi, lời mời  +: *“Núi thành Lạng”, “sông*  *Tam Cờ”* vẻ đẹp của cảnh sắc  núi sông*.*  *+“Kìa”* điệp từ | -Vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, nên  thơ của xứ Lạng.  - Niềm tự hào, yêu mến của tác  giả dân gian |
| **3** | + Các địa danh liệt kê: chợ  Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ,  Ngã Ba Sình.  + Từ láy *“lờ đờ”*  + Âm thanh *“tiếng hò xa vọng”* | - Vẻ đẹp của xứ Huế mộng mơ, êm đềm, trầm mặc với sông nước mênh mang, điệu hò tha thiết lay động lòng người.  - Niềm tự hào, yêu mến của tác  giả dân gian. |

**HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG**

**VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế: viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**c. Sản phẩm:**Đoạn văn đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **- Đề bài: V**iết một đoạn văn ngắn (5 - 7 câu) nêu viết một đoạn văn ngắn nêu cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả.**  **\* Bước 4. Nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **Yêu cầu:**  - Nội dung : cảm nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh của quê hương đất nước.  - Đoạn văn: 5 - 7 câu  **Các bước tiến hành**  - Mở đoạn: giới thiệu về danh lam thắng cảnh nào em sẽ chọn: tên, địa điểm, giới thiệu vẻ đẹp khái quát nhất.  - Thân đoạn: Ấn tượng cảm xúc về danh lam thắng cảnh ấy là gì: về địa hình, cảnh sắc thiên nhiên, con người, nét đẹp văn hóa....như thế nào (yêu mến, tự hào, khao khát tìm hiểu, muốn quảng bá rộng rãi để mọi người biết ...)  - Kết đoạn: khẳng định vẻ đẹp của danh lam đó, ý thức muốn bảo về, giữ gìn danh lam. |

**Tiết 45: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. Mục tiêu**:**TV- GQVĐ**

- HS nhận biết được cấu tạo của từ Tiếng Việt: từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), chỉ ra tác dụng của việc sử dụng từ láy trong câu, đoạn văn.

- HS nhận biết được nghĩa của từ ngữ, hiểu được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng, nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong văn bản.

**2. Nội dung hoạt động:**HS suy nghĩ để nhận biết về các loại từ chia theo cấu tạo, nghĩa của từ ngữ và biện pháp tu từ so sánh. Từ đó hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm:**Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về hiện tượng đồng âm và hiện tượng từ đa nghĩa của tiếng Việt

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV đưa ra các ví dụ: Chia 2 dãy bàn, mỗi dãy thực hiện một nhiệm vụ

Dãy trong: câu a

Dãy ngoài: câu b

1. - Mẹ tôi ngâm ***đỗ*** (1) đê nấu chè.

- Tôi sung sướng vì đã ***đỗ(***2) đầu kì thi học sinh giỏi.

b. - Bạn hãy suy nghĩ cho ***chín***(1) rồi hãy quyết định.

- Con chờ cơm***chín***(2), rồi mới được đi chơi đấy nhé!

GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ trả lời câu hỏi:

Em hãy cho biết nghĩa của từ ***đỗ*** (1) và ***đỗ(***2) . Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?

Em hãy giải thích của từ ***chín*** (1) và ***chín(***2) . Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?

HS suy nghĩ, sau đó chia sẻ, trình bày:

**Câu a:**

***- đỗ*** (1) : tên một loại cây có quả dùng làm thức ăn. Có nhiều loại đỗ như đỗ xanh, đỗ đen.

- ***đỗ(***2) : là động từ dùng trong thi cử, nghĩa là bạn đã đạt được bằng hoặc trên mức điểm sàn đặt ra.

Các nghĩa của từ ***đỗ*** ở đây không liên quan với nhau, khác xa nhau.

Kết luận: Đây là từ đồng âm

**Câu b:**

**- *chín***(1) : suy nghĩ kĩ lưỡng, đủ mọi khía cạnh, có thể quyết định được.

- ***chín(***2) : (nấu cơm) cơm từ trạng thái sống chuyển sang chín, có thể ăn được.

Các nghĩa của từ ***chín*** ở đây có liên quan với nhau, gắn bó, từ một từ phát sinh ra nhiều nghĩa.

Kết luận: Đây là từ đa nghĩa

**- GV kết nối**: Như vậy, từ ví dụ a, b chúng ta nhận thấy, tiếng Việt ta có hiện tượng từ đồng âm và hiện tượng từ đa nghĩa. Vậy, làm thế nào để nhận biết và phân biệt được từ đồng âm và tư đa nghĩa. Hôm nay, tiết thực hành tiếng này, cô và các con sẽ thực hành để nhận biết, rồi phân biệt và sử dụng từ đồng âm và từ đa nghĩa nhé!

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

- HS hiểu và phân biệt rõ từ đồng âm và từ đa nghĩa, cách dùng từ đồng âm, từ đa nghĩa thường gặp trong các ngữ cảnh quen thuộc điển hình.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**I. Từ đồng âm**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chiếu ví dụ a về từ đỗ là hiện tượng đồng âm cho HS quan sát kĩ.  Tương tự, em hãy cho biết nghĩa của từ ***chín***(1) và ***chín(***2) . Các nghĩa đó có liên quan với nhau không?  **- Học sinh tiếp nhận và thực hiện**.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi , xác định nghĩa của từ ***chín***, và tìm xem chúng có mối quan hệ về nghĩa không.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS dùng hình thức cặp đôi chia sẻ.**  Từ các ví dụ trên, em rút ra thế nào là từ đồng âm?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi, chia sẻ với bạn về từ đồng âm là gì.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | 1. **Ví dụ**   a. - Mẹ tôi ngâm ***đỗ*** (1) đê nấu chè.  - Tôi sung sướng vì đã ***đỗ(***2) đầu kì thi học sinh giỏi.  Giải nghĩa từ:  ***- đỗ*** (1) : tên một loại cây có quả dùng làm thức ăn. Có nhiều loại đỗ như đỗ xanh, đỗ đen.  - ***đỗ(***2) : là động từ dùng trong thi cử, nghĩa là bạn đã đạt được bằng hoặc trên mức điểm sàn đặt ra.  Các nghĩa của từ ***đỗ*** ở đây không liên quan với nhau, khác xa nhau.  b.Một nghề cho ***chín***(1) còn hơn ***chín(***2) nghề.  Giải nghĩa từ:  ***- chín***(1): chỉ tính chất ( giỏi, hoặc thành thạo)  - ***chín(***2) : chỉ số lượng (1,2,3,4...9)  Các hiện tượng trên gọi là hiện tượng từ đồng âm.  **2. Kết luận:**  **Từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không có mối liên hệ nào với nhau.** |

**II. Từ đa nghĩa**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV cho HS làm việc cá nhân**  **GV chiếu ví dụ. HS đọc, theo dõi, chú ý từ in đậm.**  Em hãy giải thích nghĩa của từ ***ăn*** ở hai câu trên? Hai nghĩa của từ ***ăn*** trong câu trên có liên quan đến nhau không?  Căn cứ vào đâu mà người đọc có thể nhận biết được nghĩa của từ**?**  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên:nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **GV yêu cầu HS rút ra khái niệm từ đa nghĩa:**  **Khác với từ đồng âm, từ đa nghĩa là gì?**  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên:nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá giúp HS phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa.  Từ đồng âm: bản chất là những từ khác nhau, có vỏ âm thanh giống nhau, do đó nghĩa của chúng khác xa nhau, chẳng có mối liên hệ nào.  Từ đa nghĩa: bản chất là một từ, có nhiều nghĩa, các nghĩa có mối liên quan, nghĩa chuyển bao giờ cũng sinh ra trên cơ sở nghĩa gốc. | **1.Ví dụ**:  (1) Tôi ***ăn*** cơm.  (2) Xe này ***ăn*** xăng nhiều.  Giải nghĩa từ:  - Từ ăn trong câu (1) nghĩa là “tự cho vào cơ thể thức nuôi sống”.  - Từ ăn trong câu (2) có nghĩa là “tiếp nhận cái cần thiết cho hoạt động”.  Nhận xét:  Hai nghĩa này có liên quan đến nhau. Ở đây có một từ ***ăn*** được dùng với hai nghĩa khác nhau. Nhờ sự kết hợp từ đa nghĩa với những từ khác trong câu, người đọc (người nghe) mới có thể nhận biết nghĩa nào của từ đa nghĩa được sử dụng.  **2. Kết luận:**  **Từ đa nghĩa là từ có hai hay nhiều hơn hai nghĩa, các nghĩa này có liên quan với nhau.** |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

- HS được củng cố kiến thức thông qua việc thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về từ đồng âm và từ đa nghĩa

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Bài 1**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Thi ai nhanh hơn, thời gian 5 phút**  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tấp số 1  Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài 1:  Trong ba trường hợp sau ta có một từ bóng đa nghĩa hay có các từ bóng đồng âm với nhau? Giải thích nghĩa của từ đó trong từng trường hợp  GV phát cho HS mỗi em 2 tấm thẻ.  tấm màu đỏ, tấm màu xanh:  Nếu em nào chọn một từ bóng đa nghĩa thì chọn thẻ đỏ.  Nếu em nào chọncác từ bóng đồng âm với nhau thì chọn thẻ xanh.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **HS suy nghĩ, đưa ra lựa chọn cho mình**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  GV ra hiệu lệnh lựa chọn. HS giơ thẻ theo quy ước.  Sau đó cho HS giải nghĩa từ ***bóng*** ở 3 câu a,b,c  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:Thảo luận nhóm: chia lớp thành 4 nhóm. Thời gian 7 phút.**  **Nhóm 1: làm bài 2**  **Nhóm 2: làm bài 3**  **Nhóm 3: làm bài 4**  **Nhóm 4: làm bài 5**  **Bài 2:**  Phân biệt nghĩa của từ in đậm trong các câu sau. Theo em, đó có phải là từ đồng âm hay không. Vì sao?  a. - Đường lên xứ Lạng bao xa.      - Những cây mía óng ả này chính là những nguyên liệu để làm đường.  b. - Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát.      - Tôi mua bút này với giá hai mươi nghìn đồng.  Bài 3: Nghĩa của từ trái trong những trường hợp sau đây có liên quan gì với nhau không? Vì sao?  Bài 4: Xác định từ đồng âm và từ đa nghĩa trong các câu  a.*Con cò có cái* ***cổ*** *cao.*  b. **Cổ** tay em trắng như ngà  Con mắt em liếc như là dao cau.  c. Phố **cổ** tạo nên vẻ đẹp riêng của Hà Nội.  Bài 5: Hãy giải thích nghĩa của từ nặng trong câu ca dao: Tiếng hò xa vọng, **nặng** tình nước non.  Tìm thêm một số từ ngữ có từ nặng được dùng với nghĩa khác  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thực hiện bài của nhóm mình, thảo luận, thống nhất phương án trả lời.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  Đại diện từng nhóm báo cáo kết quả. Nhóm khác cử đại diện nhận xét, bổ sung  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **III. Luyện tập**   |  | | --- | | **Bài 1 SGK trang 92** | | 1. Giải thích các từ "bóng" trong ba câu được cho:  a. *Lờ đờ* ***bóng*** *ngả trăng chênh* : ***bóng*** là “hình ảnh của vật do phản chiếu mà có”.  b. ***Bóng*** *đã lăn ra khỏi đường biên dọc:* ***bóng*** là “quả cầu rỗng bằng cao su, da hoặc nhựa, dễ nẩy, dùng làm đồ chơi thể thao”.  c. *Mặt bàn được đánh véc - ni thật* ***bóng: bóng*** là “nhẫn đến mức phản chiếu được ánh sáng gần như mặt gương”.  Kết luận: Đây là hiện tượng các từ ***bóng*** có âm thanh khác nhau, không có liên quan gì với nhau. Hiện tượng **từ đồng âm.** | | **Bài 2 SGK trang 92**  \* Phân biệt nghĩa của các từ in đậm trong các câu được cho:  a. Từ *đường* trong câu “*Đường lên xứ Lạng bao xa?*” là chỉ khoảng không gian phải vượt qua để đi từ một địa điểm này tới một địa điểm khác.      Từ đường trong câu *“Những cây mía óng ả này chính là những nguyên liệu để làm đường”* là chỉ chất kết tinh có vị ngọt, dùng trong thực phẩm.  b.Từ *đồng*  trong câu *“Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng, mênh mông bát ngát”* là chỉ khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cầy cấy, trồng trọt.  Từ *đồng*  trong câu *“Tôi mua bút này với giá hai mươi nghìn đồng*” là đơn vị tiền tệ.   \* Nhận xét: Đây làcác**từ đồng âm** : nghĩa của các từ khác nhau, không liên quan đên nhau, vỏ âm thanh chúng giống nhau | | **Bài 3. SGK trang 93** |   . Nghĩa của từ ***trái*** trong ba trường hợp: *“Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều****trái”, “****Bố vừa mua cho em một****trái****bóng”, “Cách một****trái****núi với ba quãng đồng”* có liên quan đến nhau vì đều biểu thị sự vật có dạng hình cầu.  Từ ***trái*** trong ba trường hợp trên là **từ đa nghĩa** (một từ có nhiều nghĩa khác nhau, các nghĩa có liên quan đến nhau)  **Bài 4 SGK trang 93**  **Phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa:**  **- Từ đa nghĩa:** Từ **cổ** trong câu a và b; vì nghĩa của từ ***cổ*** trong hai trường hợp này **có liên quan đến nhau**.  + Câu a, ***cổ*** là bộ phận cơ thể, nối từ đầu xuống đến thân;  + Câu b, ***cổ*** là chỗ eo lại ở phần đầu của một đồ vật, giống như hình cái cổ  .**- Từ đồng âm:** Từ **cổ** trong câu cvà*câu a,b*  + Câu c, ***cổ***có nghĩa là *cổ kính,* ***không liên quan***đến nghĩa của từ *cổ* trong hai câu trên.  **Bài 5 SGK trang 93:**  Nghĩa của từ nặng trong câu ca dao: Tiếng hò xa vọng, **nặng** tình nước non: tình cảm yêu thương đong đầy, sâu nặng, chất chứa từ lâu.  - Một số ví dụ có từ ***nặng*** được dùng với nghĩa khác:  + Túi hoa quả này nặng quá ;  + Em rất buồn vì bà nội bị ốm nặng. |

**Tiết 46, 47: Đọc hiểu văn bản 2**

**Chuyện cổ nước mình**

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Khơi gợi trí nhớ về kiến thức nền để hiểu bài thơ tốt hơn.

**b. Nội dung:** tham gia trò chơi *Ai nhanh hơn*?

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn cho câu 1?**

**- Phổ biến luật chơi:** Trong thời gian 3 phút, bạn nào trả lời đúng nhiều câu nhất thì sẽ là người thắng cuộc.

- GV đọc câu hỏi:

**Câu 1.** Em biết những câu chuyện cổ nào của nước ta?

**Gợi ý**

Em biết những câu chuyện cổ nào của nước ta như: Tấm Cám, Sọ Dừa, Con rồng cháu tiên, Sơn Tinh Thủy Tinh, Sự tích Hồ Gươm, Thạch Sanh, Thánh Gióng,...

**\* GV gợi mở, HS chia sẻ lí do thích các nhân vật trong truyện dân gian**

**Câu 2.** Em thích những nhân vật nào trong những câu chuyện đó? Vì sao?

**Gợi ý**

Em thích những nhân vật như: cô Tấm, Sọ Dừa, Sơn Tinh, Thạch Sanh,..Những câu chuyện này ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của những con người lao động hiền lành, chân thật, sống với lòng hiếu thảo, tình yêu tha thiết, mạnh mẽ đứng lên chống lại cái ác, cái xấu và sự chung thuỷ qua các kiểu nhân vật.  Nhân vật được đặt trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ và vô vàn thách thức khắc nghiệt để từ đó khẳng định phẩm chất, tính cách đáng quý của mình.

**\*HS thực hiện nhiệm vụ.**

**\* Đánh giá sản phẩm, khen ngợi người thắng cuộc**

**\*Chuẩn kiến thức**

GV dẫn dắt vào bài thơ: Với mỗi con người Việt Nam, những câu chuyện cổ dân gian trở thành một phần trong tiềm thức. Gợi đến tên truyện, đến nhân vật...là tâm hồn mỗi người lại rạo rực, lại trăn trở bao câu chuyện, bao vui buồn. Ấy là bởi vì chuyện cổ dân gian có một vị trí quan trọng trong tâm hồn người Việt, là văn hóa, là giá trị tinh thần của dân tộc ta. Hiểu được điều đó, Lâm Thị Mỹ Dạ, một nhà thơ hiện đại nổi tiếng đã gửi tình yêu và suy ngẫm về những câu chuyện cổ nước mình. Giờ học này, chúng ta

sẽ khám phám tâm tình của nhà thơ khi nghĩ về chuyện cổ nhé.  
**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản của bài thơ như xuất xứ, thể thơ lục bát, giọng điệu và những nét khái quát về bài thơ.

- HS hiểu đôi nét về tác giả.

- Biết cách đọc một bài thơ lục bát

**b. Nội dung hoạt động:**

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**b.Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**I. Đọc-tìm hiểu chung**

**Trước khi hướng dẫn HS đọc tác phẩm, GV cùng HS tìm hiểu đôi nét về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** | |
| **\* Hoạt động cá nhân.**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  - Em giới thiệu những hiểu biết của em về nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ?  - Em biết những bài thơ nào của nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ?  GV hướng dẫn HS cách đọc VB: đọc một cách diễn cảm, lưu loát, ngắt, nghỉ đúng, phù hợp với âm điệu của bài thơ lục bát. Giọng đọc tình cảm, thiết tha, trầm lắng.  GV gọi một số HS đọc VB.  Giải nghĩa của các từ: Độ trì, độ lượng, đa tình, đa mang.  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  - HSgiới thiệuvề nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ.  - một số HS đọc VB, HS khác nghe, cảm nhận.  - HS giải nghĩa của các từ: Độ trì, độ lượng, đa tình, đa mang  **\* Bước 3. Nhận xét sản phẩm.**  HS nhận xét về từng nội dung:  - Nhận xét cách đọc, giọng đọc cho bạn, góp ý cách đọc (nếu cần).  - Bổ sung thêm các ý về giải nghĩa từ (nếu cần)  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức**  **2. Tìm hiểu chung.**  **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  -Bài thơ được viết theo thể thơ nào, dấu hiệu nào giúp em nhận ra thể thơ đó?  - Bài thơ có thể chia thành mấy phần, nêu nội dung từng phần?  **\* Bước 4. Nhận xét phần đọc của HS.** | | **Tác giả.**  - Lâm Thị Mỹ Dạ sinh năm 1949, quê ở huyện [Lệ Thủy](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%87_Th%E1%BB%A7y,_Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh), tỉnh [Quảng Bình](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_B%C3%ACnh)  - Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ nhẹ nhàng, đằm thắm, trong trẻo, thể hiện tâm hồn tinh tế, giàu yêu thương.  - Tập thơ tiêu biểu của nhà thơ: Hái tuổi em đầy tay (thơ, 1989); *Mẹ và con* (thơ, 1994); *Hồn đầy hoa cúc dại* (thơ, 2007)...  **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Đọc, từ khó**  **a. Đọc**  **b. Giải thích từ:**  - Độ trì  - Độ lượng  - Đa tình  - Đa mang  **2. Tìm hiểu chung.**  **a. Xuất xứ**:  - Tác giả : Lâm Thị Mĩ Dạ  - Sáng tác năm 1979  **b. Thể thơ**: lục bát  + Gieo vần: *“ta- xa”, “hiền- tiên”...*  + Ngắt nhịp câu sáu: 2/2/2; câu tám: 4/4  - Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  **c. Bố cục: 2 phần**  - Phần 1: Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình.  - Phần 2: Ý nghĩa chuyện cổ nước mình. |

**HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**Nội dung 1: Đọc- hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, NA**

- HS nhận biết được đặc điểm của thể loại lục bát thể hiện qua bài thơ.

- HS nhận xét, đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.

- HS cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

**b.Nội dung hoạt động**:

- Gv sử dụng hình thức thảo luận nhóm.

- HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của cá nhân .

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.(Sử dụng phiếu học tập số 3)**

**Phiếu học tập:**

**Nhóm 1:** *Tôi nghe chuyện cổ thì thầm*

*Lời cha ông dậy cũng vì đời sau*

Hai dòng thơ gợi cho em những suy nghĩ gì?

**Nhóm 2:**

Vì sao với nhà thơ, những câu chuyện cổ lại “Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”

- Em hiểu thế nào là điều *“mới mẻ”, “rạng ngời lương tâm”?*

**Nhóm 3:** Vì sao trong cảm nhận của tác giả, những câu chuyện cổ không chỉ là bài học trong quá khứ mà còn vẹn nguyên ý nghĩa trong hiện tại?

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Hoạt động cá nhân.**  **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  - Qua bài thơ, em nhận ra bóng dáng của những câu chuyện cổ nào? Tìm từ ngữ, hình ảnh gợi liên tưởng đến những câu chuyện đó?  - Chuyện cổ đã kể với nhà thơ những điều gì về vẻ đẹp của tình người?  - Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình thể hiện ở những nội dung nào? Những câu thơ nào thể hiện điều đó?  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **Hoạt động nhóm bàn**: Mỗi bàn là một nhóm nhỏ.  **\*Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ**: Hãy hoàn thiện phiếu học tập số 3.  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ và báo cáo sản phẩm** (nếu được GV yêu cầu)  **\*Bước 3. Nhận xét, đánh giá sản phẩm và thu các sản phẩm còn lại.**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**    **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  - Tình cảm của nhà thơ với chuyện cổ được bộc lộ qua câu thơ nào?  **-** Em hiểu như nào về các câu thơ: *“Đời cha ông với đời tôi/Như con sông với chân trời đã xa/Chỉ còn chuyện cổ thiết tha/Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”?*  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét**  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:** Qua câu thơ: “Tôi nghe chuyện cổ thầm thì/Lời cha ông dạy cũng vì đời sau”, tác giả muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?  **\*Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS trao đổi, cắt nghĩa, lí giải dựa trên nền kiến thức về chuyện cổ  **\*Bước 3.Nhận xét**  HS chia sẻ cách hiểu, nhận xét đánh giá, bổ sung  **\*Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **2. Tìm hiểu ý nghĩa của chuyện cổ nước mình**  **\*Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  *GV yêu cầu HS thảo luận phiếu số 3*  *Thời gian: 5 phút – Chia lớp làm 3 nhóm*  Nhóm 1: Tôi nghe chuyện cổ thầm thì  Lời cha ông dậy cũng vì đời sau  Hai dòng thơ trên gợi cho em những suy nghĩ gì.  Nhóm 2: Vì sao với nhà thơ, những câu chuyện cổ *"Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm"?*  - Em hiểu thế nào là điều*“mới mẻ”, “rạng ngời lương tâm”?*  Nhóm 3:  *Vì sao trong cảm nhận của tác giả, những câu chuyện cổ không chỉ là bài học trong quá khứ mà còn vẹn nguyên ý nghĩa trong hiện tại?*  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  Đại diện các nhóm trình bày  Nhóm còn lại nhận xét, bổ sung  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả** | **II. Đọc- hiểu văn bản**  **1. Vẻ đẹp chuyện cổ nước mình.**  \* Những từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ đã giúp em liên tưởng đến những câu chuyện cổ quen thuộc, đó là:  - Tấm Cám: *"Thị thơm thị giấu người thơm/ Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà"*  - Đẽo cày giữa đường *"Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì”*  - Sự tích trầu cau *“ Đậm đã cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người”*  \* Giá trị nhân văn của những câu chuyện cổ:  - Chuyện cổ nước mình phản ánh nét đẹp tình người như lòng nhân hậu, vị tha, bao dung, độ lượng...  *Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*  *Thương mình rồi mới thương ta*  *Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm*  - Chuyện cổ nước mình gửi gắm những bài học cuộc sống về công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng và triết lí về niềm tin "ở hiền gặp lành":  *- Ở hiền thì lại gặp hiền*  *Người ngay thì gặp người tiên độ trì*  *- Rất công bằng, rất công minh*  *Vừa độ lượng, lại vừa đa tình, đa mang.*  *Thị thơm thì dấu người thơm*  *Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà*  Chuyện cổ nước mình phản ánh ý nghĩa cuộc sống một cách sâu xa, kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của cha ông.  Chuyện cổ nước mình là một kho tàng chuyện phong phú, đa dạng.  \* Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ :  - Tình yêu chuyện cổ được bộc lộ trực tiếp: *“Tôi yêu chuyện cố nước mình”* Những giá trị mà chuyện cổ chính là lí do cắt nghĩa cho tình yêu mà tác giả dành cho chuyện cổ.  -Tình cảm của nhà thơ với câu chuyện cổ còn được bộc lộ:  *“Chỉ còn chuyện cổ thiết tha*  *Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”*  *+“Chỉ còn chuyện cổ thiết tha”* đó là những tình cảm sâu lắng thiết tha mà ông cha ta gửi gắm qua những câu chuyện cổ đồng thời còn là chính tình cảm thiết tha của nhà thơ dành cho câu chuyện cổ nước mình.  *+ “Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”*Nhà thơ nhận ra, thấu hiểu được thế giới tinh thần của ông cha vẫn còn in dấu trong những câu chuyện ngàn xưa. Đó là những giá trị tinh thần, giá trị văn hóa còn in dấu qua những câu chuyện cổ. Chính những câu chuyện xa xưa được lưu truyền qua nhiều thế hệ đã giúp người đọc ngày nay nhận ra “gương mặt” cha ông ngày xưa. Hiểu được **đời sống tinh thần, vật chất, tâm hồn, tính cách, phong tục tập quán và các quan niệm đạo đức, triết lí nhân sinh...của cha ông**  **2. Ý nghĩa chuyện cổ nước mình.**  a.Hành trang tinh thần.  - Chuyện cổ nước mình đã trở thành hành trang tinh thần: sức mạnh để vượt qua mọi thử thách, đi tới mọi miền quê xa xôi…  **-** *Mang theo chuyện cổ tôi đi*  *Nghe trong cuộc sống thầm thì tiếng xưa.*  *Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa.*  *Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.*  b.Phương tiện kết nối quá khứ và hiện tại.  *-* Đọc chuyện cổ nước mình như được gặp lại ông cha, khám phá được bao phẩm chất tốt đẹp của tổ tiên mình.  **-** Giúp thế hệ đời sau tiếp nhận được những phẩm chất quý báu của cha ông như lẽ công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng tình nhân ái bao la…  - Truyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ: *đời cha ông với đời tôi*  - Hai câu cuối nhấn mạnh lời răn dạy của ông cha ta về lẽ sống, về tình thương, về nhân cách, về đức độ, sự cần cù, lòng nhân ái,…  Đó là bài học cho con cháu đời sau. |

**III. Tổng kết.**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NA**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của bài thơ *Chuyện cổ nước mình*.

**b.Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ:**  - Nêu ý nghĩa của bài thơ?  - Nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ?  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **1. Nội dung**  - Ngợi ca ý nghĩa to lớn và những bài học về đạo lí làm người chứa trong kho tàng chuyện cổ dân gian của nước nhà.  - Nhà thơ gián tiếp khẳng định: Kho tàng chuyện cổ nước nhà có giá trị vô cùng to lớn và sẽ tồn tại mãi muôn đời sau.  **2. Nghệ thuật.**  - Thể thơ lục bát dễ đọc, dễ nhớ.  - Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình  - Các biện pháp tu từ: nhân hóa (chuyện cổ thầm thì), so sánh (đời cha ông với đời tôi)…. |

**HOẠT ĐỘNG 4:**

được kiến thức trong bài học để thực hiện bài tập giáo viên giao.

**b. Nội dung**: HS tham gia trò chơi: Ai trả lời nhanh hơn.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV đọc từng câu hỏi cho 2 dãy. Dãy này không trả lời được hoặc trả lời chưa đúng thì chuyển sang dãy kia. Bên nào trả lời đúng và nhanh thì sẽ thắng.

**Câu 1.**Vì sao tác giả yêu chuyện cổ nước ta?

**Câu 2.**Phương thức biểu đạt chính của bài thơ Chuyện cổ nước mình là gì?

**Câu 3.** Nêu nội dung chính của bài thơ?

**Câu 4.** Hãy liệt kê ít nhất hai câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong bài thơ.

**Câu 5.** Em hiểu ý hai dòng thơ "Tôi nghe chuyện cổ thầm thì/Lời ông cha dạy cũng vì đời sau" như thế nào?

**Câu 6**.Anh/ chị có đồng tình với quan niệm của tác giả trong hai câu thơ: Chỉ còn chuyện cổ thiết tha/Cho tôi nhận mặt ông cha của mình? Vì sao ?

Đáp án

**Câu 1.** Tác giả yêu chuyện cổ nước ta vì:

- Vì chuyện cổ nước mình vừa nhân hậu vừa tuyệt vời sâu xa.

- Vì chuyện cổ nước mình có nhiều nội dung tốt đẹp, chứa đựng nhiều bài học làm người quý báu đối với nhiều thế hệ,..

**Câu 2.** Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: biểu cảm

**Câu 3.** Nội dung chính của đoạn thơ: Tình cảm yêu mến của tác giả đối với chuyện cổ dân gian, cảm nhận thấm thía về bài học làm người ẩn chứa trong những chuyện cổ dân gian mà cha ông ta đã đúc rút, răn dạy.

**Câu 4.**Gợi ý về hai câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong bài thơ: [ở hiền gặp lành](https://doctailieu.com/ban-luan-ve-tuc-ngu-o-hien-gap-lanh)*,*[thương người như thể thương thân](https://doctailieu.com/giai-thich-cau-tuc-ngu-thuong-nguoi-nhu-the-thuong-than-2)*, Yêu nhau mấy núi cũng leo- mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua.*

**Câu 5.**Ý nghĩa hai dòng thơ *"Tôi nghe chuyện cổ thầm thì/Lời ông cha dạy cũng vì đời sau."* là: những lời răn dạy của cha ông đối với đời sau . Qua những câu chuyện ông cha dạy con cháu cần sống nhân hậu, độ lượng, công bằng, chăm chỉ .

**Câu 6.**  - Chuyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ.

- Vì chuyện cổ dân gian kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của người xưa.

**HOẠT ĐỘNG 5: VẬN DỤNG**

**VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế: viết một đoạn văn ngắn trình bày trình bày suy nghĩ về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.

**b. Nội dung**: HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân

**c. Sản phẩm:**Đoạn văn đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. GV giao nhiệm vụ:**  **- Đề bài:** Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) cảm nhận của em về đoạn thơ sau:  Đời cha ông với đời tôiNhư cong sông với chân trời đã xaChỉ còn chuyện cổ thiết thaCho tôi nhận mặt ông cha của mình  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | **Yêu cầu:**  - Nội dung đoạn văn: trình bày suy nghĩ về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.  - Đoạn văn phải sử dụng 5-7 câu  **Gợi ý:**  - Đoạn thơ đã khơi gợi cho em những tình cảm gì đối với những câu chuyện cổ?  - Trong hai dòng thơ đầu, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Biện pháp tu từ đó đã đem lại đã đem lại hiệu quả gì trong việc thể hiện tư tưởng tình cảm của tác giả?  - Vì sao tác giả khẳng định những câu chuyện cổ giúp chúng ta gặp lại cha ông, thấy được diện mạo tinh thần của những thế hệ đi trước/  - Em có cảm nhận gì về giọng điệu của đoạn thơ? |

**Tiết 47,48:** Văn bản 3: **CÂY TRE VIỆT NAM**

***Thép Mới***

**HOẠT ÐỘNG 1 : KHỞI ÐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: N1, GQVĐ, kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** GV dùng một vài câu hỏi để nhằm khơi gợi cảm xúc, ý nghĩ của HS chia sẻ trải nghiệm tạo để tạo không khí lớp học.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS về vấn đề đặt ra trong bài học.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**GV đặt câu hỏi, HS lắng nghe, suy nghĩ chia sẻ:**

- Hãy kể tên những vật dụng bằng tre mà em biết?

Các em ạ! Không biết từ bao giờ, cây tre đã trở nên thân thuộc và gắn bó với người Việt Nam ta. Bất cứ đâu trên đất nước, chúng ta đều dễ dàng gặp hình ảnh cây tre mộc mạc, thân thương. Cây tre đi vào đời sống, gắn bó với con người trong sinh hoạt và trong các cuộc chiến đấu bảo về tổ quốc. Với VB “Cây tre Việt Nam” nhà văn Thép Mới đưa ta nhìn lại những giá trị mà cây tre mang lại. Đó cũng là cách khám phá vẻ đẹp của con người, dân tộc Việt Nam.

**HOẠT ĐỘNG 2: ĐỌC VĂN BẢN**

**Nội dung 1: Đọc- Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ**

- HS hiểu đôi nét về tác giả, và đặc điểm nổi bật, khái quát của VB Cây tre Việt Nam.

**b. Nội dung hoạt động:**Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về tác giả, xuất xứ, bố cục VB

- HS trả lời, hoạt động cá nhân.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân

Trước khi trải nghiệm cùng văn bản, GV và HS cùng điểm những nét cơ bản về tác giả Thép Mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Tác giả**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  Giới thiệu những hiểu biết của em về nhà văn Thép Mới  - Em biết những tác phẩm nào của nhà văn?  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.** GV chiếu một số hình ảnh về nhà văn. GV nói rõ chất trữ tình trong văn.  **NV2: Đọc**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS đọc VB giới thiệu khái quát về tác phẩm:  Đọc:  - GV hướng dẫn cách đọc: cần đọc to, rành mạch, ngắt nhịp đúng dấu câu thể hiện nhịp điệu của câu văn. Chú ý đọc bằng cảm xúc tự hào, vừa đọc vừa hình dung, tưởng tượng.  - GV đọc mẫu 1 đoạn, gọi HS đọc nối tiếp.  Giải thích nghĩa các cụm từ: *cho mai lấy trúc, đánh chắt, Thành đồng Tổ quốc,...*  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ.**  HS đọc VB – Giải thích một vài từ khó.  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  **NV3:Tìm hiểu chung**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS nêu rõ xuất xứ VB, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục VB  **\* Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:** trao đổi với bạn về kiến thức chung về VB.  **\*Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung.**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **Tác giả:**  - Thép Mới (1925 - 1991) tên khai sinh là Hà Văn Lộc.  - Quê ở quận Tây Hồ, Hà Nội, sinh ra tại Nam Định.  - Là một nhà báo, nhà văn nổi tiếng. Tác phẩm của ông giàu chất trữ tình, cảm hứng nổi bật là ca ngợi tình thần yêu nước của nhân dân ta.  - Một số tác phẩm như: *Cây tre Việt Nam, Hiên ngang Cu-ba, Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin, Điện Biên Phủ - một danh từ Việt Nam…*  **I. Đọc, tìm hiểu chung**  **1. Đọc, từ khó**  **Giải nghĩa các cụm từ:**  *+ cho mai lấy trúc*  *+ đánh chắt*  *+ Thành đồng Tổ quốc*  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Xuất xứ:**  Bài *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan. Thông qua hình ảnh cây tre, bộ phim thể hiện vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam, ca ngợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.  **b. Thể loại:** bút ký chính luận trữ tình  Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự.  **c. Bố cục**  Gồm 4 phần:  - Phần 1. Từ đầu đến *“chí khí như người ”*: Cây tre có mặt ở mọi nơi trên đất nước ta và có những phẩm chất đáng quý.  - Phần 2. Tiếp theo đến *“ chung thủy* ”: Tre gắn bó với con người trong cuộc sống hàng ngày và trong lao động.  - Phần 3. Tiếp theo đến *“ Tre, anh hùng chiến đấu ”:* Tre sát cánh trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc.  - Phần 4. Còn lại: Tre là người bạn của dân tộc ta. |

**HOẠT ĐỘNG 3: KHÁM PHÁ VĂN BẢN**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NN, NA**

- HS hiểu được vẻ đẹp, sự gắn bó của cây tre đối với con người, đất nước Việt Nam từ xưa đến nay. Đồng thời cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu; cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...

- Kết hợp về GDQP cho HS:

+ HS thấy được cách đánh mưu trí dũng cảm của nhân dân ta trong những cuộckhangs chiến chống giặc ngoại xâm.

+ Qua Văn bản, khơi dậy ở HS lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc từ đó tích cực học tập gps phần xây dựng quê hương đất nước giầu đẹp.

**b.Nội dung hoạt động**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: Kinh nghiệm, hiểu biết của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1:*Vẻ đẹp của cây tre***  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - HS thảo luận cặp đôi chia sẻ, thời gian 7 phút  - Nội dung cần thảo luận:  + Vẻ đẹp của cây tre Việt Nam được tác giả miêu tả cụ thể qua những chi tiết, hình ảnh nào? (gợi ý cụ thể:  + Cây tre được giới thiệu như thể nào về hình dáng phẩm chất?  + Những từ ngữ nào trong văn bản biểu đạt rõ nhất hình ảnh của cây tre?  + Chỉ ra phép tu từ chủ yếu và tác dụng của phép tu từ khi tác giả viết về vẻ đẹp của cây tre ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức .  **NV2:**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **Vòng chuyên sâu: (8 phút)**  **TỔ CHỨC HĐ NHÓM: Chia lớp làm 6 nhóm, yêu cầu HS đánh số thành viên nhóm.**  **-Giao nhiệm vụ cho các nhóm**  GV đặt câu hỏi:  **Nhóm 1,2:** Tre có vai trò gì trong cuộc sống lao dộng và hàng ngày? Dưới bóng tre xanh, khung cảnh, cuộc sống, văn hóa của người Việt Nam hiện ra như thế nào?  - Em hãy chỉ ra và nêu tác dụng của các yếu tố nghệ thuật đã góp phần thể hiện cảm xúc của nhà văn?  **Nhóm 3,4:**  **-** Trong chiến đấu, tre hiện lên với vẻ đẹp, phẩm chất gì? Tìm chi tiết nhà văn khắc họa vai trò của tre?  - Chỉ ra những câu văn dùng điệp ngữ và tác dụng của cách viết ấy?  **Nhóm 5,6**  **-** Em đang sống ở thời điểm ngày mai mà tác giả nói đến trong văn bản, *khi sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa. Theo em, vì sao cây tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc đối với đất nước và con người Việt Nam?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Vòng mảnh ghép:(8 phút)**  **- Tạo nhóm mới và giao nhiệm vụ mới**  **+ Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng chuyên sâu**.  + Trả lời câu hỏi  Vì sao tác giả có thể khẳng định "Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.  **\*Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ**  **\* Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  -Yêu cầu đại diện nhóm đứng lên báo cáo trình bày.  -Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  -Đại diện 1 nhóm đứng lên trình bày.  -Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **\* Bước 4. Chuẩn kiến thức.**  -Nhận xét kết quả hoạt động cho từng nhóm và chỉ ra những điểm còn hạn chế trong hoạt động nhóm.  GV chốt lại kiến thức cho từng phần 2: Tác giả khẳng định "Cây tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam. Vẻ đẹp mộc mạc, giản dị của cây tre Việt Nam, sự gắn bó với thế hệ người Việt Nam từ khi kháng chiến đến hòa bình chính là sự kiên cường, bất khuất, gan dạ. Đó cũng chính là tính cách, nét đẹp cao quý của người dân Việt Nam, dân tộc Việt Nam. | **II. Đọc – hiểu văn bản**  ***1. Vẻ đẹp của cây tre***  ***\* Hình ảnh cây tre được khắc họa chân thực:***  **- Hình dáng:**  + *Mọc thẳng, xanh tốt ở mọi nơi*  + D*áng vươn mộc mạc và thanh cao*  + *Mầm măng non mọc thẳng*  *+ Màu xanh của tre tươi, nhũn nhặn.*  **- Phẩm chất:**  *+ Tre cứng cáp, dẻo dai, vững chắc*  *+Luôn gắn bó, làm bạn với con người trong mọi hoàn cảnh*  *+ Thẳng thắn, bất khuất*, cùng con người chiến đấu*, giữ làng, giữ làng, giữ nước.*  **- Nghệ thuật thể hiện:**  - Từ ngữ miêu tả đặc sắc, gợi hình gợi cảm: *xanh tốt, thẳng, tươi, cứng cáp, dẻo dai...*  - Nhân hóa cây tre: *giản dị, thanh cao, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, bất khuất...*  - **Cảm xúc của tác giả:**  + Ca ngợi vẻ đẹp của cây tre từ hình dáng đến đặc tính của loài câpy thân thuộc nhưng lại gợi đến tính cách, phẩm chất của con người của con người Việt Nam.  + Bộc lộ niềm tự hào, tình yêu mãnh liệt của mình với cây tre, và con người Việt Nam  ***2.* Tre gắn bó với con người Việt Nam**  **a. Trong lao động và cuộc sống hàng ngày.**  - Tre trùm lên âu yếm bản làng, xóm, thôn.  - Dưới bóng tre, toàn bộ đời sống của con người được hiện ra:  + những mái đình, mái chùa cổ kính  + người dân cày Việt Nam *dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang...*  + Tre thành nôi ru êm những giấc ngủ trưa hè, là nguồn vui tuổi thơ: *chiếc thuyền lá tre, que chuyền que chắt*.  + tre là nhịp bắc cho tình yêu đôi lứa  với tuổi già hút thuốc làm vui thì có chiếc diếu cày...  + Sự gắn bó suốt đời*: từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay*  - Nghệ thuật :  + Hình ảnh gần gũi: mái đình, mái chùa, cối xay tre, giang lạt, nôi tre, giường tre...  + Câu văn nhịp nhàng kết hợp với biện pháp liệt kê, nhân hóa, so sánh.  - Ý nghĩa:  + Khẳng định mối quan hệ gắn bó của cây tre với cuộc sống của con người Việt Nam.  + Ca ngợi nét đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc đậm đà bản sắc với thái độ tự hào, trân trọng.  **b. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc**  **- Hoàn cảnh***:* Khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến chống giặc: *Buổi đầu, không một tấc sắt trong tay*  **- Vai trò, sức mạnh***: tre là tất cả, tre là vũ khí*:  +Vị thế của tre: *vũ khí, đồng chí chiến đấu, cái chông tre sông Hồng*  + Hành động dũng cảm quên mình của tre: *chống lại sắt thép quân thù; tre xung phong vào xe tăng; tre hi sinh để bảo vệ con người;*  + Đánh giá vẻ đẹp: *anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu*.  - Nghệ thuật :  + So sánh: *tre* vật liệu tự nhiên, thô sơ với *sắt thép* những vật liệu để làm vũ khí cao cấp hơn)  + Câu văn giàu nhịp điệu, điệp ngữ, liệt kê...tạo nên nhịp điệu; nhân hóa, ẩn dụ  + Sử dụng các từ ngữ giàu tính biểu cảm: “tất cả”. “Tất cả”  - Ý nghĩa: Tình yêu, biết ơn của con người với tre; bày tỏ tình yêu nước, niềm tự hào về sức mạnh dân tộc trong kháng chiến vĩ đại.  **c. Trong tương lai**  - Khẳng định: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, bởi: *Tre vẫn là bóng mát, Tre vẫn mang khúc tâm tình,*...  + Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ. Hình ảnh của tre là thân thuộc. Hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau. Tin tưởng vào truyền thống văn hóa: *uống nước nhớ nguồn*.  + Tre có sức sống mãnh liệt, ở đâu cũng có thể sống được;  + Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu: Đ2, Đ3, Đ5, N1, GT-HT, GQVĐ, NA**

- HS tự rút ra được đặc sắc về nghệ thuật, nội dung ý nghĩa văn bản *Cây tre Việt Nam.*

**b.Nội dung hoạt động**:

- GV sử dụng kĩ thuật đặt câu hỏi

- HS làm việc cá nhân để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **+** Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB cây tre Việt Nam  + Từ đó, em cảm nhận được vẻ đẹp, vai trò của tre với dân tộc ta như nào? Nhà văn muốn gửi gắm tình cảm gì?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ , trả lời  - Giáo viên:nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt lại kiến thức. | **1. Nghệ thuật**  - Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu thấm đẫm chất trữ tình.  - Cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...  **2. Nội dung**  - Ca ngợi vẻ đẹp, sự gắn bó của cây tre đối với con người, đất nước Việt Nam từ xưa đến nay.  - Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn vẻ đẹp của thiên nhiên, con người Việt Nam và truyền thống văn hóa dân tộc |

**HOẠT ĐỘNG 4: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:Đ3, Đ4, GQVĐ** HS làm được bài tập sau khi học xong văn bản:

**b. Nội dung:**HS làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời đúng, đủ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**Câu 1.**

**1**. Cho HS thảo luận theo bàn trình câu hỏi ( 3’)

a.Qua VB, em thấy trước đây khi chưa có nhiều vũ khí hiện đại thì DT ta đã chống giặc ngoại sâm bằng cách nào? Cách đánh đó chứng tỏ điều gì?

b. Là học sinh,em sẽ làm gì để thể hiện tình yêu quê hương đất nước.

2. Dự kiến trả lời:

a. Nhân dân ta đã dùng tre, nứa... làm vũ khí để chông giặc ngoại xâm 1 cách sáng tạo...

a. Là HS cần tự hào,phát huy những truyền thống yêu nước của cha ông.

Tích cực học tập, rèn luyện đạo đức đễaay dựng quê hương đất nước giầu đẹp.

**Câu 1.**

2GV tổ chức cho HS thi ai nhanh hơn

Chia lớp làm 2 đội, xếp 2 hàng để thi tiếp sức. Lần lượt từng thành viên trong đội lên bảng viết đáp án. Đội nào viết được nhiều, đội ấy chiến thắng.

**Em hãy tìm một số câu tục ngữ, ca dao, thơ, chuyện cổ Việt Nam có nói đến cây tre.**

(Dưới đây là một số câu tục ngữ, ca dao, truyện cổ tích Việt Nam có nói đến cây tre:

- *Khi đi trúc chửa mọc măng,*

*Khi về trúc đã cao bằng ngọn tre.*

*- Tre già măng mọc.*

- *Con mèo, con chó có lông,*

*Cây tre có mắt, xanh đồng có quai.*

*(Xanh đồng*là một loại chảo sâu lòng dùng để xào nấu).

- Truyện *Cây tre trăm đốt* là truyện cổ tích trong đó cây tre có một vị trí rất quan trọng.

- Truyền thuyết *Thánh Gióng* kể rằng khi roi sắt gãy, Gióng đã nhổ tre ven đường quật

vào quân giặc làm cho chúng thua chạy tan tác và do ngựa sắt phun lửa nên cho đến giờ ở

làng Cháy vẫn còn giống tre thân có màu vàng óng gọi là tre đằng ngà)

- Sọ Dừa: chi tiết về tiếng sáo của chàng.

**Tiết 50: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. Mục tiêu**:

- HS nhận biết được biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này.

- HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng

**2. Nội dung hoạt động:**HS suy nghĩ để nhận biết biện pháp tu từ hoán dụ. Từ đó hoàn thành bài tập.

**3. Sản phẩm:**Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a**. **Mục tiêu**: **Kết nối** – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức mới.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân để nhận biết về phép tu từ hoán dụ.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phần giới thiệu của GV

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV đưa ra một ví dụ có sử dụng hoán dụ, hướng dẫn HS tìm hiểu hình ảnh hoán dụ để dẫn dắt vào bài:

*Bàn tay ta làm nên tất cả*

*Có sức người sỏi đá cùng thành cơm.*

(Hoàng Trung Thông, *Bài ca vỡ đất*)

Theo em, từ “bàn tay” trong dòng thơ thứ nhất chỉ đối tượng nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, nghe và trả lời;*

*- GV dẫn dắt vào bài học mới:* Từ “bàn tay” trong ví dụ trên dùng để chỉ người lao động; ở đây nhà thơ đã lấy cái bộ phận để thay thế cho cái toàn thể. Đó chính là một trong những dấu hiệu để nhận biết biện pháp tu từ hoán dụ.

**- GV kết nối**: Phép tu từ hoán dụ có nét gì đặc biệt so với các phép tu từ đã học như ẩn dụ, so sánh...Hôm nay, tiết thực hành tiếng này, cô và các con sẽ thực hành để nhận biết phép tu từ hoán dụ.

**HOẠT ĐỘNG 2: KHÁM PHÁ KIẾN THỨC**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

- HS nhận biết được biện pháp tu từ hoán dụ, chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ này.

- HS hiểu được ý nghĩa của một số thành ngữ thông dụng.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm để hiểu khái niệm, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV chiếu ví dụ cho HS theo dõi, trả lời câu hỏi.  Từ “bàn tay” trong câu thơ trên là chỉ người lao động. Vậy “bàn tay” và người lao động có mối quan hệ như thế nào? Tác dụng của cách diễn đạt ấy?  **- Học sinh tiếp nhận và thực hiện**.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi để hiểu được phép hoán dụ và tác dụng của hoán dụ trong câu thơ.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **HS dùng hình thức cặp đôi chia sẻ.**  Từ các ví dụ trên, em rút ra thế nào là hoán dụ? Việc sử dụng trong lời nói hằng ngày, trong văn chương có tác dụng gì?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS trao đổi, chia sẻ với bạn về hoán dụ và tác dụng của hoán dụ  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá  - GV cung cấp cho HS các kiểu hoán dụ thường gặp. | **I. Hoán dụ**  **1. Ví dụ**  *Bàn tay ta làm nên tất cả*  *Có sức người sỏi đá cùng thành cơm.*  - Hoán dụ: Từ “bàn tay” trong câu thơ trên là chỉ người lao động.  + Nhà thơ đã dùng cái bộ phận để chỉ toàn thể dựa trên mối quan hệ tương cận, gần gũi với nhau. Đôi bàn tay gợi liên tưởng đến những người lao động cần cù...  + Tác dụng: làm cho việc diễn đạt trở nên gợi hình, gợi cảm, hấp dẫn.  + Tác giả muốn ngợi ca tầm quan người lao động trong xã hội, khích lệ mọi người biết trân trọng người lao động, và cùng nỗ lực lao động làm giàu cho tổ quốc.  **2. Kết luận:**  - Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.  - Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp:  + Lấy một bộ phận để gọi toàn thể;  + Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng;  + Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật;  + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  Đọc câu văn sau.  Em hãy tìm một thành ngữ được dùng trong câu văn ? Giải thích ý nghĩa ngắn gọn của từ ngữ đó.  **GV cho HS làm việc cá nhân**  GV chiếu ví dụ. HS đọc, theo dõi, phát hiện.  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên:nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS rút ra khái niệm từ thành ngữ:  Khác với từ ngữ thông thường, thành ngữ có cấu tạo như thế nào? Muốn giải nghĩa thành ngữ cần căn cứ vào đâu?  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  - Học sinh:suy nghĩ và trao đổi, trình bày  - Giáo viên:nghe, quan sát, gọi nhận xét  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**: HS trả lời miệng, trình bày kết quả. HS khác nghe nhận xét, đánh giá  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá giúp HS hiểu được thành ngữ. | **II. Thành ngữ**  **1.Ví dụ**:  *Đã vậy, tính nết lại ăn xổi ở thì (thật chỉ vì ốm đau luôn, không làm được), có một cái hang ở cũng chỉ bới nông sát mặt đất, không biết đào sâu rồi khoét ra nhiều ngách như hang tôi.* (Tô Hoài, *Dế mèn phiêu lưu kí)*  Thành ngữ: *ăn xổi ở thì*  Giải nghĩa: cách sống tạm bợ cho qua ngày, không tính đến chuyện ổn định lâu dài (*xổi*: tạm bợ, chóng vánh; *ăn xổi*: ăn ngay,có ngày nào, ăn ngày ấy; *ở thì*: sống tạm bợ)  **2. Kết luận:**  - Thành ngữ là cụm từ cố định, biểu thị một ý tương đối hoàn chỉnh.  - Muốn giải nghĩa của thành ngữ cần căn cứ vào ngữ cảnh sử dụng. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a**. **Mục tiêu**: **TV- GQVĐ**

- HS được củng cố kiến thức thông qua việc thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt các biện pháp tu từ, đặc biệt là hoán dụ; nhận diện thành ngữ và hiểu nghĩa của thành ngữ trong những trường hợp điển hình.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NV1: Bài 1**  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để hoàn thành bài tấp số 1  Gv yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của bài 1:  Giải thích nghĩa của các hình ảnh hoán dụ: *Nhắm mắt xuôi tay, Mái nhà tranh, đồng lúa chín, Áo cơm cửa nhà*  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ, đưa ra lựa chọn cho mình  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  HS đứng lên giải nghĩa từng hình ảnh hoán dụ.  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **\*Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Bài 2**: HS xác định yêu cầu của bài 2. So sánh mức độ yêu cầu với bài 1; Sau đó tiếp nhận nhiệm vụ**.**  **Chỉ ra** các biện pháp tu từ được sử dụng trong những câu sau và **nêu tác dụng** của chúng:  **Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  **Bài 3,4**: HS xác định yêu cầu của bài 3,4.  GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn, ở cả hai bài. Thời gian 10 phút.  **Bài 3:**  Những dòng thơ: *“Đẽo cày theo ý người ta/Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì”*gợi ý cho em liên tưởng đến thành ngữ nào? Giải thích ý nghĩa ngắn gọn của từ ngữ đó.  **Bài 4:**  *Tre già măng mọc* là một thành ngữ quen thuộc. Dựa vào bài Cây tre Việt Nam, hãy nêu cách hiểu của em về thành ngữ này.  HS tiếp nhận nhiệm vụ**.**  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  Các nhóm thực hiện bài của nhóm mình, thảo luận, thống nhất phương án trả lời.  **\* Bước 3. Báo cáo kết quả**:  Đại diện từng nhóm báo cáo kết quả. Nhóm khác cử đại diện nhận xét, bổ sung  **\* Bước 4. Đánh giá kết quả**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá. | **III. Luyện tập**   |  | | --- | | **Bài 1 SGK trang 99** | | 1. Giải thích nghĩa của các hình ảnh hoán dụ  a. *Nhắm mắt xuôi tay:* nói đến cái chết.  b. *Mái nhà tranh, đồng lúa chín*: thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung.  c. *Áo cơm cửa nhà*: nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng. | | **Bài 2 SGK trang 100**  a. Biện pháp tu từ so sánh, ví khoảng cách giữa *Đời cha ông với đời tôi* cũng xa như *con sông với chân trời*.  **- Tác dụng:** Tác giả muốn diễn tả ý: Từ xa xưa đến nay, từ thế hệ cha ông đến thế hệ chúng ta, từ quá khứ đến hiện tại là một khoảng cách xa vời vợi. Thế nhưng khoảng cách đó đã được nối liền bằng những chuyện cổ dân gian giữa các thế hệ luôn có những khoảng cách.  b.- Biện pháp tu từ nhân hóa: gậy tre, chông tre ***chống lại*** sắt thép quân thù; Tre ***xung phong*** vào xe tăng đại bác.  Tác dụng: tăng tính gợi hình, gợi cảm, làm cho câu văn thêm sinh động, hấp dẫn đồng thời nhấn mạnh tác dụng và phẩm chất cao quý của cây tre: tre cũng có những hành động và đức tính giống con người. | | **Bài 3. SGK trang 100**  *Đẽo cày theo ý người ta*  *Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì*  - Liên tưởng đến thành ngữ: **Đẽo cày giữa đường**  - Ý nghĩa: những người không độc lập, không có chính kiến riêng, luôn bị tác động và thay đổi theo ý kiến người khác thì làm việc gì cũng không đạt được kết quả. |   **Bài 4 SGK trang 100**  Nói đến sự nối tiếp giữa các thế hệ, thế hệ trước già đi, sẽ có thế hệ sau thay thế; thế hệ trước sẽ truyền lại những kinh nghiệm, tri thức, phẩm chất. |

**Ngày dạy:**

**Tiết 50:Tập làm một bài thơ lục bát**

**a. Mục tiêu: V1, GT-HT, GQVĐ**

- HS lựa chọn đề tài và vận dụng những hiểu biết về thể thơ để tập làm một bài thơ lục bát;

- HS yêu thích và bước đầu có ý thức tìm hiểu thơ văn.

**b.Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân để hoàn thành nhiệm vụ: viết một bài thơ lục bát theo chủ đề lựa chọn.

**c. Sản phẩm**: Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

**\* Hoạt động 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**GV đưa ra câu hỏi gợi mở, để dẫn dắt vào bài:**

**Em hãy đọc cho các bạn nghe một bài thơ lục bát mà em yêu thích.**

**Vậy em đã từng làm thơ lục bát chưa? Có thể chia sẻ với cả lớp bài thơ của em được không?**

**+ GV dẫn dắt**: Có thể trong chúng ta đã có người làm cho mình những bài thơ. Song cũng có bạn lại có tâm lí e dè, ngại ngần khi cầm bút viết lên cảm xúc của mình. Giờ học tập làm một bài thơ lục bát hôm nay, cô trò ta cùng tìm hiểu và tiến hành viết cho mình một bài thơ lục bát nhé. Vậy các bước tiến hành như thế nào?

\***Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Tìm hiểu các yêu cầu với một bài thơ lục bát**

**a. Mục tiêu**: Nhận biết được các yêu cầu đối với bài tập làm thơ lục bát.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **NHIỆM VỤ 1**  **HOẠT ĐỘNG CẶP ĐÔI CHIA SẺ:**  **\* Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS:  - Em hiểu thế nào là một bài thơ? Thơ khác văn xuôi ở điểm nào ?  - Khi nào người ta làm thơ? Khi sáng tác thơ cần đảm bảo những yêu cầu gì?  Theo em, một bài thơ lục bát cần đảm bảo những yêu cầu gì?  - GV gợi ý:  + Làm một bài thơ lục bát có cần tuân theo vận luật của thơ lục bát không?  + Ngôn ngữ và nội dung của bài thơ phải như thế nào?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi.  + GV quan sát, khuyến khích  **\* Bước 3: nhận xét sản phẩm, bố sung**  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức:**  **GV :** *Tình cảm, cảm xúc là một trong những phẩm chất quan trọng hàng đầu của thơ. Để thể hiện tình cảm, cảm xúc, các nhà thơ đã chọn nhiều cách khác nhau, trực tiếp hoặc gián tiếp.* | **1. Yêu cầu đối với một bài thơ lục bát.**  **a.Thơ và yêu cầu khi sáng tác thơ.**  \* Thơ: là khái niệm chỉ các loại sáng tác văn học có vần điệu, có đặc điểm ngắn gọn, súc tích, nhiều ý cô đọng...  \* Sáng tác thơ**.**  -Nội dung: Thể hiện được cách nhìn, cách cảm nhận mới lạ, sâu sắc, thú vị…về cuộc sống.  - Về nghệ thuật:  + Ngôn ngữ: hàm súc, gợi hình gợi cảm.  + Sử dụng các biện pháp tu từ để tạo những liên tưởng độc đáo, thú vị (nhân hóa, so sánh, ẩn dụ…).  + Sử dụng vần, nhịp một cách hợp lí để làm tăng giá trị biểu đạt của ngôn từ.  **b. Yêu cầu đối với một bài thơ lục bát** (phần tri thức ngữ văn) |

**Hoạt động 3: Đọc và phân tích bài tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Qua một bài thơ cụ thể, HS nhìn nhận và chỉ ra được đặc điểm của thể thơ lục bát cần có để định hướng cách viết thơ cho bản thân.

**b. Nội dung**: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức và

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG THẢO LUẬN THEO BÀN**  **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu 1 HS đọc văn bản tham khảo, cả bàn nghe, thảo luận.  - GV hướng dẫn HS thảo luận  1. Cách ngắt nhịp của thơ lục bát thường là nhịp chẵn. Tuy nhiên, cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là 3/3/2. Việc ngắt nhịp như thế có tác dụng gì?  2. Dựa vào hiểu biết về thể thơ lục bát, em hãy chỉ ra cách hiệp vần và sự phối hợp thanh điệu của bài thơ trên bằng cách điền vào bảng sau:  3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được miêu tả chi tiết, rõ ràng, tỉ mỉ hay được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu? Việc thể hiện như thế có tác dụng gì?  4. Cảm xúc của tác giả trong bài thơ được thể hiện trực tiếp hay gián tiếp, thông qua những hình ảnh nào?  5. Theo em, nét độc đáo của bài thơ này là gì?  6. Từ việc tìm hiểu bài thơ trên, em học được điều gì về cách làm thơ lục bát?  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  +HS dự kiến câu trả lời  + GV quan sát, khuyến khích  **\*Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  +HS trả lời câu hỏi  +GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **\*Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức, ghi lên bảng**.** | Bài thơ : “*Chăn trâu đốt lửa”*  *Chăn trâu đốt lửa trên đồng*  *Rạ rơm thì ít gió đông thì nhiều*  *Mải mê đuổi một con diều*  *Củ khoai nướng để cả chiều thành tro.*  *(Đồng Đức Bốn)*  **2.Phân tích kiểu văn bản.**  **1**. Cách ngắt nhịp của dòng thơ thứ 4 là: "Củ khoai nướng/ để cả chiều/ thành tro" khác với cách ngắt nhịp thông thường trong thơ lục bát đã góp phần diễn tả cảm xúc bâng khuâng của nhà thơ, khi khoảnh khắc hoàng hôn đang đến.  **2.** Gieo vần, phối thanh  + Sự hiệp vần: *đồng – đông, nhiều – diều – chiều.*  + Bảng phối thanh:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | Tiếng/  Dòng | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | Lục | B | **B** | T | T | B | **B** |  |  | | Bát | T | **B** | B | T | T | **B** | B | B | | Lục | T | **B** | T | T | B | **B** |  |  | | Bát | T | **B** | T | T | T | **B** | B | B |   3. Cảnh sắc thiên nhiên và hoạt động của con người trong bài thơ được thể hiện bằng một vài chi tiết, một vài nét tiêu biểu: chăn trâu, thả diều, nướng khoai đến những nét tiêu biểu như gió đông hay khoảnh khắc hoàng hôn đến. Việc sử dụng các chi tiết chấm phá, tiêu biểu, ngôn từ giản dị nhưng giàu sức gợi đã tạo nên bức tranh đồng quê thanh bình, yên ả.  **4**.Cảm xúc của tác giả được thể hiện gián tiếp qua việc kể về buổi chiều chăn trâu, thả diều, nướng khoai, qua cảm nhận về “gió đông”, về khoảnh khắc hoàng hôn đang dần buông. Tất cả đã hoà quyện để cùng diễn tả cảm xúc của tác giả.  **5**. Bài thơ có nét độc đáo trong nghệ thuật, tác giả sử dụng phép đối giữa ít-nhiều, rạ rơm (hữu hình) với gió đông (vô hình). Đó còn là sự liên tưởng độc đáo: củ khoai nướng bị cháy hồng rực đến cảnh hoàng hôn bao trùm không gian rộng lớn.  **6.** Cách làm thơ lục bát về vần, nhịp, thanh điệu: bài thơ có các câu lục và câu bát xen kẽ, tiếng thứ sáu của câu lục thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu bát thứ nhất. Tiếng thứ tám của câu bát thứ nhất hiệp vần với tiếng thứ sáu của câu lục thứ hai và tiếng thứ sáu của dòng bát thứ hai |

**Hoạt động 4: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được mục đích viết (sáng tác được một bài thơ lục bát); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết

PHIẾU TÌM Ý

**Nhiệm vụ:** Tìm ý cho việc viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em khi đọc một bài thơ có yêu tố tự sự và miêu tả.

Gợi ý: Trả lời câu hỏi vào cột trái:

|  |  |
| --- | --- |
| **+** Bài thơ gợi lên câu chuyện gì? | .......................................................  ....................................................... |
| + Đâu là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật? | .......................................................  ....................................................... |
| + Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào? | .......................................................  ....................................................... |
| + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao? | .......................................................  ....................................................... |
|  |  |

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  -Hãy tập gieo vần bằng cách chọn những tiếng thích hợp để đặt vào chỗ trống trong đoạn thơ sau đây. (SGK)  - Lựa chọn đề tài: Có thể chọn bất cứ đề tài nào khơi gợi cho em nhiều cảm xúc:  GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết của mình bằngkĩ thuật công não.  GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết và người đọc, người nghe.  GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo các bước  Dựa vào lí thuyết đã học về thơ lục bát, em hãy tự sáng tác một bài hoặc một cặp câu lục bát (chủ đề tùy chọn).  -Hướng dẫn HS viết nháp  **\* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến sản phẩm  + GV quan sát  **\* Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm.  + GV gọi HS khác nhận xét về bài viết của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **3. Viết một bài thơ lục bát**  **Bước 1: Khởi động viết**  **- Tập gieo vần:** *gần, đa, là*  **- Xác định đề tài:** Gia đình, quê hương, bố mẹ, mái trường, thầy cô, bạn bè…..  **Bước 2: Thực hành viết:**  **- Tìm ý tưởng cho bài thơ.**  + Ý tưởng có thể đến bất chợt, cũng có thể là những sự việc, con người, cảnh sắc đã diễn ra mà mình ấn tượng sâu sắc.  + Suy nghĩ vể ý tưởng mà mình muốn viết (thể hiện).  + Chọn một ý tưởng (sự việc, con người…) mà mình tâm đắc nhất.  **- Làm bài thơ lục bát.**  - Thể hiện ý tưởng ra bằng từng dòng thơ.  - Lần lượt điền các tiếng của từng dòng thơ vào bảng quy định thanh điệu và hiệp vần của thơ lục bát.(Bảng bên dưới)  - Cần sử dụng các biện pháp tu từ để tăng hiệu quả nghệ thuật cho bài thơ (ẩn dụ, so sánh, nhân hóa…)  - Chú ý giọng điệu phù hợp với nội dung, cảm xúc mình muốn thể hiện. |

**Bảng quy định về thanh điệu và hiệp vần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiếng**  **Dòng** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **Lục** |  | **thanh** |  | **thanh** |  | **thanh:**  **vần** |  |  |
| **Bát** |  |  |  |  |  | **thanh:**  **vần** |  | **thanh:**  **vần:** |
| **Lục** |  | **thanh** |  | **thanh** |  | **thanh:**  **vần** |  |  |
| **Bát** |  |  |  |  |  | **thanh:**  **vần** |  | **thanh:**  **vần** |

**Chỉnh sửa**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố lại các các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết)

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với một sáng tác thơ lục bát  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*  **\*Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **\*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  **Chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với một sáng tác thơ lục bát  + HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  + tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng) | **Bước 3: Chỉnh sửa và chia sẻ**  - Kiểm tra xem tiếng nào, dòng nào chưa chuẩn thì sửa lại.  - Tuy nhiên, thơ không chỉ đúng về luật mà còn cảm xúc. Câu nào chưa thể hiện cảm xúc cũng cần phải sửa (thay đổi).  - Đọc diễn cảm bài thơ bằng giọng điệu phù hợp. Sau đó dùng bảng (bên dưới) để điều chỉnh nội dung và hình thức bài thơ.  - Chia sẻ bài thơ với người thân trong gia đình hoặc bạn bè để mọi người góp ý giúp. Sau đó lại tiếp tục điều chỉnh cho đến lúc bản thân thấy thật ưng ý. |

**Bảng tự đánh giá hình thức và nội dung bài thơ (\*)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phương diện** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **Chưa đạt** |
|  | Bài thơ gồm các dòng lục (6 tiếng) và các dòng bát (8 tiếng). |  |
|  | Các dòng thơ chủ yếu được ngắt theo nhịp chẵn. |  |
|  | Cách hiệp vần: tiếng thứ 6 của câu lục hiệp vần với tiếng thứ 6 của câu bát kế nó. |  |
| **Hình thức** | Tiếng thứ 8 của câu bát đó lại vần với tiếng thứ 6 của câu lục kế tiếp. |  |
|  | Bài thơ sử dụng một số biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, điệp từ… |  |
| **Nội dung** | Bài thơ thể hiện được một trạng thái cảm xúc, một suy nghĩ, một cách nhìn nào đó về cuộc sống. |  |

**TIẾT 51, 52, 53:**

**VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu: Kết nối** (HS hào hứng tiếp cận, khám phá kiến thức).

**b. Nội dung:** làm việc cá nhân để chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát đac học hoặc đã đọc.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

GV yêu cầu HS chia sẻ cảm xúc về một bài thơ lục bát mà em yêu thích?

HS chia sẻ

GV dẫn dắt vào bài: Những bài thơ lục bát đã học, đã đọc gây cho em cảm xúc gì? Hình ảnh, ngôn từ, nhạc điệu của chúng khiến em rung động như thế nào? Hãy ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ em yêu thích!

**HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát**

**a. Mục tiêu: N1, V2, GQVĐ**

HS biết cách viết một đoạn văn nói chung và viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát nói riêng.

**b. Nội dung:** làm việc cá nhân để tạo lập một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời, bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d.Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV đặt câu hỏi cho HS:  + Trong những tiết học trước, chúng ta đã học viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả. Em hãy nhắc lại yêu cầu đối với một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả.  + Theo em, yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát cần đáp ứng những yêu cầu gì? Có gì giống và khác giữa thể hiện cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả với thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát?  - GV gợi ý:  + Có cần nêu tên tác giả, tên bài thơ đó không?  + Có cần nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ lục bát đó không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **\* Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **I.Tìm hiểu yêu cầu đối với một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát**  - Giới thiệu bài thơ, tác giả (nếu có).  - Nêu được cảm xúc về nội dung chính hoặc một số khía cạnh nội dung của bài thơ.  - Thể hiện được cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, …) |

**HOẠT ĐỘNG 3: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:***  Hãy đọc SGK trang 102 và trả lời các câu hỏi trang 103.  - Đoạn văn đã giới thiệu được bài ca dao Anh đi anh nhớ quê nhà chưa? Em hãy đọc câu văn ấy.  - Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về nội dung chính nào của bài ca dao ?  - Người viết đã nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật nào của bài ca dao ?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.*** | **II. Phân tích bài viết tham khảo: nét đẹp trong bài ca dao Anh đi anh nhớ quê nhà.**  - Đoạn văn đã giới thiệu được bài ca dao *Anh đi anh nhớ quê nhà*: trích bài ca dao và dẫn dắt  - Đoạn văn có trình bày rõ những cảm xúc của người viết về nội dung chính của bài ca dao: Là nỗi nhớ của người con hướng về quê nhà: nhớ hương vị món ăn, nhớ con người...thể hiện nỗi nhớ da diết của người đi xa với quê nhà.  - Người viết đã nêu cảm nhận về một số yếu tố hình thức nghệ thuật của bài ca dao: lặp từ *nhớ*, hình ảnh ..., nhịp thơ lục bát êm dịu...  **- Nội dung từng phần:**  **+ Mở đoạn:** Nêu cảm xúc sâu lắng của bản thân khi đọc bài ca dao.  **+ Thân đoạn:** Gồm 5 câu văn (từ câu 2 đến câu 6) trình bày cảm xúc về vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của bài ca dao, nêu cảm xúc khi đọc bài ca dao này.  +Kết đoạn: Nêu ý nghĩa, bài học rút ra từ bài ca dao. |

**HOẠT ĐỘNG 4: Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu:** Từ bài viết tham khảo, HS biết viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

**b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập**: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:*** Có mấy bước để viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát?  ***\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.***  ***\*Bước 3: Nhận xét.***  ***\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.***  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:***  1- Xác định đề tài bằng cách trả lời các câu hỏi sau:  - Chọn bài thơ nào? Cần tìm những thông tin nào? Tìm thông tin ấy ở đâu?  2. Tìm ý: Đọc bài thơ nhiều lần, khi bài thơ vang lên, hãy lắng nghe cảm xúc suy nghĩ của em và ghi lại điều đó?  - Cảm nhận chung khi đọc bài thơ là gì? Bài thơ biểu hiện những điều gì? Bài thơ có những hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ...nào nổi bật?  \* Lập dàn ý: Sắp xếp các thông tin vừa tìm được theo dàn ý:  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.**  **\*Bước 3: Nhận xét.**  **\* Bước 4: Chuẩn kiến thức.**  Bước này, GV chủ động hướng dẫn lí thuyết để HS biết cách tìm ý.    **Viết đoạn văn:**  **\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Em hãy dựa vào dàn ý đã lập để tiến hành viết đoạn văn (từ 150 từ đến 200 từ).  **\*Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ.** | **III. Thực hành viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.**  **\* 4 bước**  **-** Lựa chọn bài thơ  - Tìm ý và lập dàn ý.  - Viết đoạn văn.  - Chỉnh sửa đoạn văn  **\* Cụ thể:**  **1. Lựa chọn bài thơ**  - Xác định bài thơ:  - Thu thập tư liệu.  **2. Tìm ý và lập dàn ý.**  a.Tìm ý  - Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại.  - Xác định chủ đề của bài thơ.  - Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, biện pháp tu từ…có trong bài thơ.  - Ghi nhanh những cụm từ thể hiện ý tưởng trên.  b. Lập dàn ý.  Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:  \*Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ.  \* Thân đoạn:  Trình bày chi tiết cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  \* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.  **3. Viết đoạn văn.**  **4. Chỉnh sửa đoạn văn** (tự đánh giá đoạn văn theo bảng dưới)  - Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.  - Tự đánh giá và rút kinh nghiệm. |

**Bảng kiểm tra đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần của đoạn văn** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **Chưa đạt** |
|  | Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng |  |
| **Mở đoạn** | Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ. |  |
|  | Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm xúc khái quát về bài thơ. |  |
| **Thân đoạn** | Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu. |  |
|  | Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ. |  |
| **Kết đoạn** | Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa bài thơ với bản thân. |  |
|  | Kết đoạn bằng một dấu câu dùng để ngắt đoạn. |  |

**GV hướng dấn HS chuẩn bị bài: Nói và nghe**

**TIẾT 54, 55: NÓI VÀ NGHE**

**Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương**

**1**. **Mục tiêu**:

- Với tư cách là người nói, HS tiếp tục rèn luyện và phát triển kĩ năng trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương sao cho hấp dẫn và thuyết phục.

-Với tư cách là người nghe, HS biết cách lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tư tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**2. Nội dung hoạt động:**HS làm việc theo cặp, theo nhóm và trước lớp theo các hoạt động chuẩn bị bài nói, trao đổi bài nói, trình bày bài nói.

**3. Sản phẩm:**Nội dung bài nói, phong cách nói của HS, cách nghe, câu hỏi của HS nghe bài nói của bạn.

**4. Tổ chức thực hiện:**

**HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế cho HS chuẩn bị trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Quê hương em có điều gì đặc biệt khiến em ấn tượng hay nhớ mãi? Điều đặc biệt đó khiến em cảm thấy như thế nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân*

**Dự kiến câu trả lời: HS có thể ấn tượng với:**

* Phong cảnh thiên nhiên quê hương
* Món ăn truyền thống của quê hương
* Lời ăn tiếng nói của con người quê hương

GV dẫn dắt vào bài: Tình cảm của mỗi con người với quê hương- nơi chôn nhau cắt dốn là tình cảm thiêng liêng. Nhưng để cất lên thành lời để bày tỏ cho mọi người thì không phải ai cũng làm được. Có người dấu nẹm trong tim, để đôi lúc rưng rưng thổn thức...Tình yêu quê hương là tình cảm tha thiết, sâu lắng và luôn tràn đầy trong tim mỗi người. Hôm nay, chúng ta sẽ tập nói và nghe những suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương nhé!

**HOẠT ĐỘNG 2: Chuẩn bị bài nói**

**Trước khi nói: Chuẩn bị nội dung nói và luyện tập.**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ.** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  Hãy lập dàn ý cho bài nói của mình:  - Em sẽ lựa chọn đề tài nào trong các đề tài sau:  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  + HS Trình bày sản phẩm trước nhóm, các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  Em hãy tự tập luyện bằng cách:  - Đứng trước gương để tập trình bày ý kiến về một vấn đề  - Tự điều chỉnh giọng điệu, ngữ điệu, nét mặt…. cho phù hợp để tạo sức hấp dẫn cho bài nói**.**  - Em có thể rủ nhóm cùng tập luyện hoặc nhờ bố mẹ quay lại video bài tập luyện của mình để xem lại, tự điều chỉnh hoặc gửi video cho các bạn trong nhóm để cùng góp ý cho nhau. | **1. Chuẩn bị nội dung nói**  **Bước 1: Người nghe, mục đích, không gian và thời gia nói** (trình bày).  **Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói**  **- Xác định đề tài:**  **- Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**  + Nêu vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người)  *+ Các biểu hiện cụ thểcủa tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (tình cảm đối với những gì thân thiết, với phong cảnh, với phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi đậm đà hương vị quê hương...)  + Ý nghĩa của tình yêu quê hương với mỗi người (giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...)  **Bước 3: Luyện tập và trình bày.**  + Để trình bày tốt, em hãy luyện tập trước ( trình bày một mình hoặc trước bạn bè, người thân)  + Cách nói: tự nhiên, gần gũi, chia sẻ, giãi bày.  **Bước 4: Trao đổi, đánh giá.**  \* **Bảng tự kiểm tra bài nói.**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/**  **chưa đạt** | | - Bài nói đã biết mở đầu, trình bày nội dung bài nói, phần kết thúc bài nói chưa. |  | | - Mớ bài nêu lên cảm nhận được điều em sắp nói là điều em đã thực sự chứng kiến, có nhiều cảm xúc và suy nghĩ. |  | | - Thân bài: Em đã trình bày lần lượt: biểu hiện của vấn đề; tác dụng, mong muốn và cách giải quyết vấn đề |  | | - Tập trung nêu được nội dung cốt lõi, mang tính tiêu biểu cho vấn đề đang bàn. |  | | - Kết thúc bài nói đã nhấn mạnh vào cách ứng xử thích hợp mà em lựa chọn. |  | | Lí giải được sự quan trọng, ý nghĩa của vấn đề được nói. |  | |

2**. Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu: N1- GQVĐ .** Biết cách, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:** Phần trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:Gọi một số  - HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.**  - Giới thiệu rõ vấn đề định nói.  - Trình bày rõ ràng, mạch lạc những ý chính cần trình bày trong bài như: Biểu hiện, tác dụng, mong muốn của bản thân về vấn đề được nói.  - Lấy những dẫn chứng về biểu hiện của tình cảm với quê hương làm minh chứng điều mình nói.  - Lựa chọn, điều chỉnh những từ ngữ, câu văn biểu thị cảm xúc một cách hiệu quả nhất (phù hợp với văn nói).  - Điều chỉnh cung bậc của âm thanh, giọng nói cho phù hợp với từng cung bậc cảm xúc.  - Sử dụng cách xưng hô, ngữ điệu cho phù hợp với đối tượng người nghe và nội dung bài nói (trình bày).  - Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc về bài thơ: nét mặt, cử chỉ, điệu bộ nhưng phải chân thật và phù hợp.  - Tương tác cùng người nghe. | **2. Trình bày bài nói** |

**3. Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** N1- GQVĐ , HS được rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể

**b. Nội dung: HS chắt lọc kiến SGK và trả lời câu hỏi**.

**c. Sản phẩm:** Phiếu đánh giá bài nói .

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm (YC)** |
| **\*Bước 1: GV giao nhiệm vụ**: Gọi một số  - HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những hS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\*Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ được phân công**  **\*Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **\*Bước 4: GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ.** | **3. Đánh giá bài nói**  - Mình nói (trình bày) cho người khác nghe thì tiếp thu những góp ý từ phía người nghe để tự rút kinh nghiệm; giải thích những điều bạn muốn làm rõ hơn; trao đổi với bạn về những ý kiến khác biệt.  - Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục.  - Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình (Bảng dưới) |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | |
| **NHÓM............................** | | | |
| TIÊU CHÍ | Chưa đạt  (0 điểm) | Đạt  (1 điểm) | Tốt  (2 điểm) |
|  |  |  |
| 1. Chọn được vấn đề hay, có ý nghĩa | Chưa có vấn đề để nói | Có vấn đề để nói nhưng chưa hay | Có vấn đề để nói ấn tượng |
| 2. Nội dung vấn đề được chọn hay, phong phú, hấp dẫn | Nôi dung sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu được nội dung vấn đề | Có đủ ý để người nghe hiểu được nội dung vấn đề. | Nội dung vấn đề hay, phong phú, hấp dẫn |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm | Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần. | Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. | Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

**Hướng dẫn HS chuẩn bị bài 5**

**Ký duyệt, ngày 16 tháng 11 năm 2024**

**Tổ trưởng**

**Lê Thị Oanh**